

## Cân bằng quyền lực liên kết và những khả năng cho Luật quốc tế tại Biển Đông

Jeffrey McGee, Khoa Luật và Viện nghiên cứu biển và Nam cực, Đại học Tasmania, Úc. [Jeffrey.McGee@utas.edu.au](mailto:Jeffrey.McGee@utas.edu.au)

Brendan Gogarty, Khoa Luật, Đại học Tasmania, Úc. [Brendan.Gogarty@utas.edu.au](mailto:Brendan.Gogarty@utas.edu.au)

Danielle Smith, Nghiên cứu sinh, Khoa Luật, Đại học Tasmania, Úc. [Danielle.Smith@utas.edu.au](mailto:Danielle.Smith@utas.edu.au)

### Tóm tắt

Những tranh chấp lãnh thổ tại Biển Đông gần đây được coi là biểu hiện của việc căng thẳng địa chính trị giữa Mỹ và Trung Quốc ngày càng gia tăng. Từ đó, nhiều nhà hiện thực lập luận rằng, trong khi luật pháp quốc tế chỉ đóng vai trò thứ yếu, cân bằng quyền lực mới là nhân tố quyết định kết quả của các tranh chấp này. Nghiên cứu luật pháp quốc tế chính thống không đủ mạnh để phản biện bình luận vì nó hầu như đã bỏ qua mối quan hệ giữa luật pháp và quyền lực. Tuy nhiên, một số học giả hàng đầu trong lịch sử ngành luật quốc tế và quan hệ quốc tế từ lâu đã lập luận rằng “cân bằng quyền lực liên kết” giữa các quốc gia là điều kiện tiên đề cho việc vận hành hiệu quả luật quốc tế. Bài viết cho rằng việc làm sống lại lập luận về “cân bằng quyền lực liên kết” sẽ đưa ra những ý tưởng mới giúp luật quốc tế có thể phát huy khả năng của mình trong tranh chấp Biển Đông. Từ đó, bài viết đề xuất chương trình nghiên cứu liên ngành giữa Luật quốc tế và Nghiên cứu chiến lược nhằm thúc đẩy giải quyết tranh chấp trên biển Đông dựa trên các nguyên tắc pháp luật.

Từ khoá: Biển Đông-Công ước Luật biển (UNCLOS)-Luật quốc tế- Cân bằng quyền lực liên kết- Vụ *Philippines kiện Trung Quốc*.

### I. Giới thiệu

Trong phán quyết mới đây của Tòa Trọng tài về vụ Philippines kiện Trung Quốc<sup>1</sup> (gọi tắt là vụ kiện Biển Đông, vụ kiện được bắt đầu theo Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982<sup>2</sup>-UNCLOS), chúng ta có thể thấy nỗ lực sử dụng các quy định của Luật quốc tế để giải quyết tranh chấp tồn tại giữa hai quốc gia có các yêu sách khác nhau liên quan đến kiểm soát lãnh thổ và sử dụng các vùng biển tại Biển Đông. Vụ kiện Biển

---

<sup>1</sup> Về vấn đề trọng tài trước Tòa trọng tài được thành lập theo Phụ lục VII Công ước Liên Hợp quốc về Luật biển năm 1982 (Cộng hòa Philippines kiện CHND Trung Hoa), Tòa trọng tài thường trực vụ số 2013-19, Phán quyết về Thẩm quyền và khả năng thụ lý, 29/10/2015 (‘Phán quyết về Thẩm quyền và khả năng thụ lý’); Về vấn đề trọng tài trước Tòa trọng tài được thành lập theo Phụ lục VII Công ước Liên Hợp quốc về Luật biển năm 1982 (Cộng hòa Philippines kiện CHND Trung Hoa), Tòa trọng tài thường trực vụ số 2013-19, Phán quyết, 12/7/2016 (‘Phán quyết’).

<sup>2</sup> Công ước Liên Hợp quốc về Luật biển, được thông qua ngày 10/12/1982, 1833 unts 3, có hiệu lực ngày 16/11/1994. (Gọi tắt là UNCLOS).

Đông được bình luận là một trong những phán quyết luật quốc tế đáng chú ý nhất trong thập kỷ qua. Lý do là vì Trung Quốc quyết định không chấp nhận thẩm quyền của toà và không tham gia vào thủ tục trọng tài. Phán quyết của Toà trọng tài thể hiện sự phản đối mạnh mẽ từ góc độ pháp lý đối với hầu hết các yêu sách của Trung Quốc về các quyền lãnh thổ đối với các thực thể trên biển Đông và những yêu sách rộng lớn hơn liên quan đến các quyền lịch sử tại khu vực được gọi là “đường chín đoạn”<sup>3</sup>.

Trung Quốc phản ứng đối với vụ kiện Biển Đông bằng việc lờ đi quá trình tố tụng và nội dung của phán quyết.<sup>4</sup> Trung Quốc đưa ra chất vấn về thiện chí (bona fides) của Toà Trọng tài và chỉ ra rằng Trung Quốc không tuân thủ phán quyết của Toà nhưng sẽ mở rộng hoạt động trên Biển Đông.<sup>5</sup> Trên thực tế, ngay sau khi Toà công bố Phán quyết, Trung Quốc đã tiến hành diễn tập hải quân tại khu vực với Nga.<sup>6</sup> Điều này vượt ra ngoài diễn biến thường thấy trong giải quyết tranh chấp quốc tế giữa các quốc gia.

Sẽ có nhiều bài viết cũng như phân tích của các luật sư quốc tế, bao gồm cả những tác giả tham gia số đặc biệt này, về vụ kiện trọng tài Biển Đông, cũng như việc áp dụng các chi tiết kỹ thuật liên quan tới việc áp dụng các quy định của luật quốc tế vào vụ kiện. Hàm ý trong việc phân tích tranh chấp Biển Đông từ góc độ của luật quốc tế là nếu Toà PCA làm đúng chức trách về mặt pháp lý của mình, theo đó, các quốc gia được khuyến khích đưa ra những lập luận pháp lý chính xác, các tranh chấp lãnh thổ có thể được giải quyết một cách hoà bình.

Bài báo thách thức giả thiết kể trên khi đặt ra câu hỏi về việc liệu rằng kỳ vọng quá cao đối với khả năng luật quốc tế có thể kiến tạo hoà bình trong bối cảnh hiện nay, có thể dẫn tới nguy cơ bỏ qua các bài học quan trọng trong quá khứ hay không. Áp dụng lăng kính “hiện thực” cho luật quốc tế, như cách định nghĩa của các học giả luật pháp và quan hệ quốc tế, bài viết đề xuất rằng cần xem xét các vấn đề căn bản về quyền lực cần được xem xét trước khi kỳ vọng luật quốc tế có thể đóng vai trò quan trọng trong giải quyết hoà bình các tranh chấp kể trên.

Bài viết công nhận rằng “quyền lực” là một khái niệm gây tranh cãi trong khoa học xã hội và có nhiều cách hiểu khác nhau liên quan đến việc liệu rằng khái niệm này chỉ thuần túy liên quan tới khía cạnh vật chất hay còn bao hàm cả các vấn đề thuộc về tư

---

<sup>3</sup> Đường chín đoạn chỉ đường phân định được Chính phủ nước Cộng Hoà Trung Hoa và sau đó là nước Chính phủ CHND Trung Hoa sử dụng nhằm thể hiện yêu sách của họ đối với Biển Đông. Tham khảo Department of State Bureau of Oceans and International Environmental and Scientific Affairs, ‘Limits in the Seas’, No. 143, China: Maritime Claims in the scs, 5/12/2014, Office of Ocean and Polar Affairs Bureau of Oceans and International Environmental and Scientific Affairs, tr.2.

<sup>4</sup> Tham khảo Xinhuanet, Toàn văn Tuyên bố của Bộ Ngoại giao Trung Quốc về Phán quyết Vụ kiện Biển Đông do Philippines khởi xướng, 12/7/2016, trên trang [http://news.xinhuanet.com/english/2016-07/12/c\\_135507744.htm](http://news.xinhuanet.com/english/2016-07/12/c_135507744.htm).

<sup>5</sup> Tham khảo Reuters, China vows to protect scs sovereignty, Manila upbeat, 14/7/2016, trên trang <http://www.reuters.com/article/us-southchinasea-ruling-stakes-idUSKCN0ZS02U>.

<sup>6</sup> Tham khảo Reuters, China, Russia naval drill in scs to begin Monday, 11/9/2016, trên trang <http://www.reuters.com/article/us-southchinasea-china-russia-idUSKCN11H051>.

duy.<sup>7</sup> Trong nghiên cứu này, chúng tôi đưa ra quan điểm rằng sức mạnh vật chất và tư duy có mối tương quan chặt chẽ với nhau, do đó tư duy về quyền lực mà chúng tôi dựa vào bao gồm “quyền lực cứng” (hard power, như sức mạnh quân sự và kinh tế) và “quyền lực mềm” (soft power như khả năng định hình chương trình hành động và các ý tưởng).<sup>8</sup> Việc xem xét các tranh chấp lãnh thổ tại Biển Đông cần được xem xét trong bối cảnh có sự gia tăng đáng kể sức mạnh tương đối của Trung Quốc tại khu vực. Nhân tố đầu tiên thúc đẩy quá trình gia tăng sức mạnh quân sự của Trung Quốc là tốc độ tăng trưởng và công nghiệp hoá nhanh chóng của nền kinh tế nước này với mức tăng hàng năm lên tới 10% tổng sản phẩm quốc nội từ năm 1979 đến năm 2014.<sup>9</sup> Điều này có nghĩa rằng cứ sau tám năm, sức mạnh kinh tế của Trung Quốc lại tăng lên gấp đôi.<sup>10</sup> Mặc dù đã chậm lại trong thời gian gần đây, tốc độ tăng trưởng thực của Trung Quốc vẫn đạt tới là 6,9% vào năm 2015<sup>11</sup>, 6,7% vào năm 2016<sup>12</sup> và dự kiến là 6,2% vào năm 2017.<sup>13</sup> Trung Quốc là nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới và với tốc độ tăng trưởng kinh tế hiện nay, dự kiến nước này sẽ vượt Mỹ, trở thành nền kinh tế lớn nhất thế giới vào năm 2026<sup>14</sup>. Chi tiêu quốc phòng của Trung Quốc đã tăng lên đáng kể, tính đến nay, Trung Quốc có mức chi tiêu quốc phòng quân sự hàng năm lớn thứ hai thế giới, chiếm 13% chi tiêu quân sự toàn cầu.<sup>15</sup> Sự tăng trưởng kinh tế đáng chú ý và mức tăng năng lực quân sự đã giúp Trung Quốc có ảnh hưởng ngày càng lớn về mặt địa chính trị tại khu vực Châu Á-Thái Bình Dương, thể hiện rất rõ qua việc nước này giữ vai trò lãnh đạo trong việc thành lập Ngân

---

<sup>7</sup> Stephen Lukes, *Power: A Radical View*, 2nd edition, (Palgrave MacMillan, 2005), tr.14–59.

<sup>8</sup> Joseph S. Nye, *Soft Power: The Means to Success in World Politics* (PublicAffairs, 2006), tr.99–126.

<sup>9</sup> Wayne M. Morrison, ‘China’s Economic Rise: History, Trends, Challenges, and Implications for the United States’ (2015), Congressional Research Service Report, tr.5.

<sup>10</sup> Như trên.

<sup>11</sup> Tham khảo IMF World Economic Outlook tháng 10/2016, trên trang <http://www.imf.org/external/pubs/ft/weo/2016/02/>.

<sup>12</sup> Tham khảo World gdp Ranking 2016, trên trang <https://knoema.com/nwnfkne/world-gdp-ranking-2016-data-and-charts-forecast>.

<sup>13</sup> Tham khảo 2017 Economic Statistics and Indicators, trên trang <http://www.economywatch.com/economic-statistics/year/2017/>.

<sup>14</sup> Tham khảo China and the us: Tale of Two Giant Economies, 12/5/2016, trên trang <http://www.bloomberg.com/graphics/2016-us-vs-china-economy/>.

<sup>15</sup> Tham khảo Military expenditure, trên trang <https://www.sipri.org/research/armament-and-disarmament/arms-transfers-and-military-spending/military-expenditure>. Từ năm 1990, Trung Quốc đã tăng tiêu dùng quân sự từ 6,1 tỷ USD lên 11,3 tỷ USD vào năm 2013, trên trang <http://www.globalsecurity.org/military/world/china/budget-table.htm>. Tháng 2/2016, Trung Quốc thông báo rằng Trung Quốc sẽ tăng chi tiêu quốc phòng thêm 7,6%, đây là mức tăng thấp nhất trong sáu năm qua. Ngân sách 146,7 tỷ USD sẽ được sử dụng nhằm bảo vệ các quyền lợi trên biển của Trung Quốc trên Biển Đông, trên trang <http://www.globalsecurity.org/military/world/china/budget.htm>. Mặc dù Trung Quốc tăng cường tiêu dùng quân sự thì vẫn đứng thứ hai sau Mỹ. Với ngân sách quốc phòng lớn nhất thế giới, năm 2015, Mỹ đã chi 597,5 tỷ USD trong khi Trung Quốc chỉ chi 145,8 tỷ USD, trên trang <https://www.iiss.org/en/publications/military%20balance/issues/the-military-balance-2016-d6c9>.

hàng đầu tư cơ sở hạ tầng Châu Á<sup>16</sup>, một lựa chọn có thể thay thế cho các thiết chế tài chính do Mỹ sáng lập<sup>17</sup> hay xây dựng các cơ sở quân và dân sự tại các thực thể tranh chấp trên Biển Đông.<sup>18</sup> Chúng tôi cho rằng việc áp dụng các nguyên tắc luật quốc tế trong UNCLOS buộc phải được xem xét trong bối cảnh rộng lớn với việc Trung Quốc gia tăng sức mạnh tại Châu Á-Thái Bình Dương.

Trên thực tế, luật quốc tế không những không tách rời mà là một trong những dạng luật chịu ảnh hưởng nhiều nhất từ các yếu tố quốc gia, chính trị và kinh tế. Do đó, luật quốc tế không thể là nguồn kiến tạo hoà bình duy nhất trong lĩnh vực quốc tế, đặc biệt là những vấn đề như Biển Đông. Bài viết lập luận rằng cần phải xem xét các khả năng của luật quốc tế trong bối cảnh “cân bằng quyền lực liên kết” của cộng đồng quốc tế. Bài viết cũng cho rằng tình trạng cân bằng quyền lực liên kết sẽ cung cấp những điều kiện hình thành nên các quy định có thể đại diện một cách công bằng cho lợi ích của tất cả các quốc gia, hơn là phục vụ một quốc gia bá quyền. Từ đó, tạo ra các điều kiện tương hỗ giữa các quốc gia và tạo dựng nghĩa vụ pháp lý thúc đẩy các quốc gia tuân thủ các nguyên tắc pháp luật mặc dù có các tính toán về lợi ích riêng. Bài viết đề xuất rằng không nên quá kỳ vọng vào luật quốc tế như là một nhân tố giải quyết hoà bình các tranh chấp lãnh thổ tại Biển Đông nếu như các vấn đề cơ bản hơn liên quan đến việc tái thiết cân bằng quyền lực liên kết tại Châu Á-Thái Bình Dương không được giải quyết. Một dự án liên ngành giữa luật quốc tế và nghiên cứu chiến lược như là một hướng mới trong việc phân tích và đưa ra những hàm ý chính sách là cần thiết trong trường hợp này.

Nghiên cứu gồm các phần như sau: Mục II và III cung cấp nền tảng lịch sử của tranh chấp lãnh thổ tại Biển Đông và toàn cảnh về vụ kiện Biển Đông cùng với phản ứng của các quốc gia quan trọng trong khu vực đối với phán quyết của Tòa Trọng tài. Phản ứng của các nước cho thấy sự không thống nhất trong khu vực sau phán quyết. Trong Mục IV, nghiên cứu sẽ trình bày một số hiểu biết về mối quan hệ giữa luật và quyền lực trong lĩnh vực pháp lý, đồng thời sẽ đánh giá cụ thể căn nguyên và cách hiểu xung quanh những nội dung của luật quốc tế cũng như khái niệm “cân bằng quyền lực.” Trong Mục V, nghiên cứu sẽ đánh giá tại sao việc phân tích cân bằng quyền lực có vai trò quan trọng để hiểu những khả năng của luật quốc tế có thể được áp dụng trong nhiều tranh chấp lãnh thổ phức tạp như ở Biển Đông. Nghiên cứu cho rằng “cân bằng quyền lực liên kết” tại Châu Á-Thái Bình Dương đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng nghĩa vụ giữa các quốc gia thành viên có tiếng nói trong việc tuân thủ các quy định của luật quốc tế. Trong mục VI, chúng tôi kết luận thông qua việc lý giải tại sao phân tích về cân bằng quyền lực liên kết có thể mở ra những cơ hội cho các nhà hoạch định chính sách quan tâm tới vai trò của luật quốc tế tại Biển Đông.

---

<sup>16</sup> 57 quốc gia đã tham gia Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng Châu Á (AIIB), với Trung Quốc, với tỷ lệ đồng ý là 28,9%. Tham khảo AIIB, tại <https://www.aiib.org/en/about-aiib/governance/members-of-bank/index.html>.

<sup>17</sup> Tham khảo The Economist, Why China is creating a new “World Bank” for Asia, 11/11/2014, trên trang <http://www.economist.com/blogs/economist-explains/2014/11/economist-explains-6>.

<sup>18</sup> Tham khảo The Wall Street Journal, China to Build Military Facilities on scs Islets, 16/6/2015, trên trang <http://www.wsj.com/articles/china-to-build-military-facilities-on-south-china-sea-islets-1434436700>.



## II. Tình hình tranh chấp tại Biển Đông

### 1. Tình hình chung

Vị trí địa lý của Biển Đông và tầm quan trọng đối với vận tải khu vực và hàng hải đã được tác giả White viết trong tập san này.<sup>19</sup> Tuy nhiên, cần phải nhấn mạnh rằng, Biển Đông là biên chung giữa Trung Quốc, Philippines, Việt Nam, Malaysia, Brunei, Singapore và Indonesia (những quốc gia ven biển), đồng thời là một trong những khu vực đông dân và được quân sự hoá mạnh mẽ nhất thế giới.<sup>20</sup> Biển Đông cũng là một trong những khu vực biển có sự đa dạng sinh học nhất<sup>21</sup> và một nguồn thực phẩm giàu có cho các quốc gia ven biển kể trên.<sup>22</sup> Những nhân tố này đã tạo ra các căng thẳng địa chính trị cũng như tranh chấp lãnh thổ trên Biển Đông

Căng thẳng giữa Philippines và Trung Quốc tại Biển Đông liên quan tới một nhóm thực thể đảo tại khu vực phía Nam được gọi tiếng Anh là Spratlys (Trường Sa). Trong phần lớn các trường hợp, các thực thể đều ở trên hoặc dưới mực nước biển.<sup>23</sup> Một vài quốc gia ven biển yêu sách đối với quần đảo Trường Sa và nhóm đảo khác trên biển. Những yêu sách đó trở nên thường xuyên trong thế kỷ thứ 20 sau chiến tranh thế giới thứ hai. (xem bình luận phần sau).

### 2. Yêu sách đường chín đoạn của Trung Quốc

Năm 1948, bản đồ chính thức đầu tiên của Trung Hoa Dân quốc (ROC), có sự xuất hiện của quần đảo Trường Sa, có tên là “Bản đồ chỉ vị trí các đảo trên Biển Đông” được xuất bản.<sup>24</sup> Bản đồ thể hiện đường đứt đoạn bao quanh quần đảo Trường Sa và những thực thể khác trên Biển Đông được mở rộng từ lãnh thổ đất liền của Trung Quốc. Tuy nhiên, không có sự liên tục nào trong quãng đường giữa các đường và các thực thể trên biển mà đường đó bao quanh. Theo Hình 1, trong phần lớn các trường hợp, các đường nối liền gần với đường biển của các nước ven biển<sup>25</sup> hơn là các thực thể đảo đá. Sau đó, nhiều phiên bản bản đồ được Trung Hoa Dân quốc (ROC) và sau đó là CHND Trung Hoa

<sup>19</sup> Michael White, ‘South China Sea: Its Importance for Shipping, Trade, Energy and Fisheries’ (2017) 1(3) *Asia-Pacific Journal of Ocean Law and Policy*, (sắp xuất bản).

<sup>20</sup> International Hydrographic Organization (IHO), *Limits of Oceans and Seas*, 3rd edition (IHO, 1953).

<sup>21</sup> Chẳng hạn, hơn 2500 loài cá biển và 500 loài san hô tạo ra đá có mặt ở khu vực này. Tham khảo Jiang, Y and Xue, X. ‘Building a cross-strait cooperation mechanism for the conservation and management of fishery resources in the scs’ (2015) 116 *Ocean & Coastal Management*, 318–330, tr.318.

<sup>22</sup> Tham khảo National Geographic, *One of the World’s Biggest Fisheries is on the Verge of Collapse*, 29/8/2016, trên trang <http://news.nationalgeographic.com/2016/08/wildlife-south-china-sea-overfishing-threatens-collapse/>.

<sup>23</sup> Bao gồm bãi cạn, đá san hô và bãi ngầm. 14 thực thể địa lý được coi là “đảo” hoặc “đảo nhỏ” tồn tại trong bãi san hô này, nhưng không có khả năng tự nhiên duy trì đời sống con người, và có khả năng bị ngập. Xét từ khía cạnh lịch sử, quần đảo Trường Sa được đánh dấu là khu vực nguy hiểm và các thủy thủ đi biển luôn tránh. Tham khảo National Geospatial-Intelligence Agency (ngia), Pub. 161: *Sailing Directions (Enroute) scs and the Gulf of Thailand*, Fifteenth Edition, (ngia, 2014), tr.4 và 19.

<sup>24</sup> Như trên, Phán quyết, tr. 71[181].

<sup>25</sup> Đặc biệt là Việt Nam, Brunei, Malaysia, Philippines và Đài Loan.

(PRC) lần lượt công bố, nhưng phần lớn bản đồ thể hiện chín đường quanh từng khu vực yêu sách<sup>26</sup> (mặc dù kích thước và vị trí của các khu vực này cũng thay đổi). Tiếp đó, điều này cũng liên tưởng tới yêu sách đường chín đoạn và xét theo về ngoài là gần hầu hết biên Đông với lãnh thổ yêu sách của Trung Quốc. Cả CHND Trung Hoa và Trung Hoa Dân quốc đều không làm rõ cơ sở pháp lý của các đường đứt đoạn này. Tuy nhiên, khu vực mà đường chín đoạn này bao quanh có diện tích gần 2 triệu km<sup>2</sup>.<sup>27</sup> Tùy theo cách tính toán, khu vực đó chiếm từ 60%-80% không gian biển Đông.<sup>28</sup>

Sau Cách mạng văn hoá Trung Quốc và sự kiện Pháp rút khỏi Việt Nam (nước ban đầu có yêu sách đối với khu vực như một phần thuộc chính quyền thực dân những năm 1950), tranh chấp đối với quần đảo Trường Sa ngày càng gia tăng. Quá trình sụp đổ, chia rẽ, thống nhất và hình thành các quốc gia ven biển giai đoạn hậu chiến và hậu thực dân đã khiến các yêu sách và phản yêu sách đối với chủ quyền ở Biển Đông trở nên ngày càng phức tạp. Tất cả các quốc gia đưa ra các yêu sách chồng lấn tại Biển Đông xuất phát từ việc sử dụng và yêu sách chủ quyền từ thế kỷ 19.<sup>29</sup> Mỗi quốc gia đều thể hiện các yêu sách của mình qua việc thực hiện hoặc nỗ lực thực hiện chiếm đóng một cách có chủ ý, từ đó thường dẫn đến xung đột giữa các quốc gia thành viên. Trong trường hợp của Trung Quốc, Việt Nam và Philippines, những xung đột như vậy thường dẫn đến sự đối đầu và gây ra nhiều mất mát từ các vụ đụng độ trên và quanh các thực thể địa lý trên biển.<sup>30</sup>

---

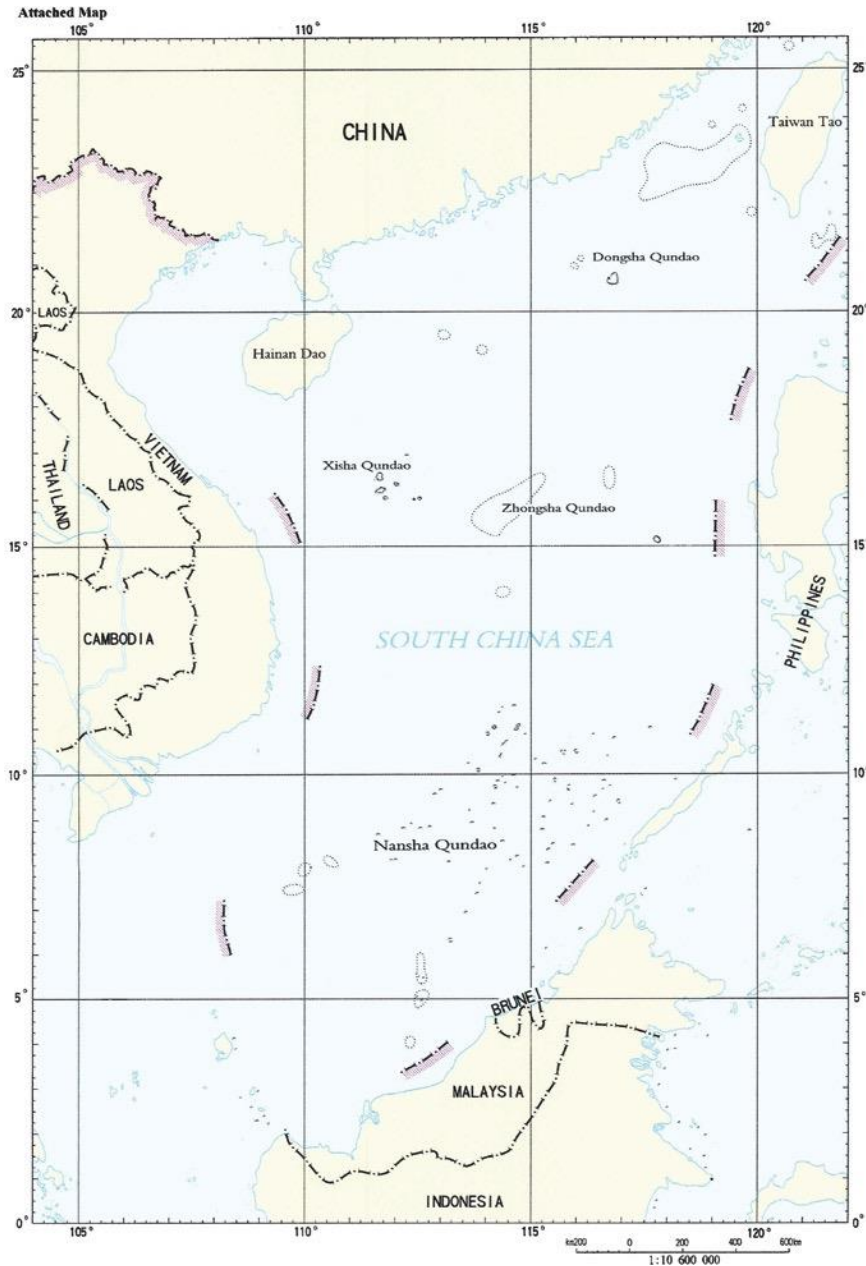
<sup>26</sup> Như trên, US Department of State Bureau of Oceans and International Environmental and Scientific Affairs, tr.2.

<sup>27</sup> Như trên, tr.4.

<sup>28</sup> Như trên.

<sup>29</sup> Do đó, Việt Nam yêu sách các quyền đối với Biển Đông và các đảo khác khi viện dẫn tới yêu sách của Thực dân Pháp. (CHND) Trung Quốc yêu sách phần Biển Đông nhượng lại cho Trung Quốc từ phía Nhật Bản sau Thế chiến II. Đài Loan cũng đưa ra yêu sách tương tự nhưng riêng rẽ với yêu sách của Trung Quốc dựa trên yêu sách chồng lấn với toàn Trung Quốc. Philippines liên hệ danh nghĩa với yêu sách đối với Trường Sa bởi một trong các công dân chiếm đóng hữu hiệu từ về bề ngoài vào những năm 1950-trong thời gian Philippines cho rằng bất cứ yêu sách chủ quyền trước đây của các cường quốc châu Á và thực dân đã bị loại bỏ. Tham khảo, Hong Thao Nguyen 'Vietnam's Position on the Sovereignty over the Paracels & the Spratlys: Its Maritime Claims' (2102) 1 Journal of East Asia International Law, 165-212; Ross Marlay 'China, the Philippines, and the Spratly Islands' (1997) 23:4 Asian Affairs: An American Review, 195-210, tr.204-205.

<sup>30</sup> Trung Quốc và Việt Nam, trên thực tế đã tiến hành hai cuộc đối đầu riêng rẽ trong thế kỷ trước, một lần ở quần đảo Trường Sa và một lần ở Hoàng Sa (nằm trong cái gọi là đường chín đoạn). Cả hai cuộc xung đột đều gây ra thương vong, Việt Nam chịu thương vong cao hơn. Tham khảo Marlay, 'China, the Philippines, and the Spratly Islands', tr.196-204.



Bản đồ 1: Yêu sách chính thức của Trung Quốc ngày 7/5/2009<sup>31</sup>

### 3. Tuyên bố về ứng xử của các bên trên Biển Đông

Thoả thuận giữa các quốc gia ven biển đối với Công ước UNCLOS 1982 hầu như không giải quyết được tranh chấp lãnh thổ trên Biển Đông. Tuy nhiên, năm 2002, các quốc gia ASEAN và Trung Quốc đã đàm phán Tuyên bố về ứng xử của các bên trên Biển Đông (gọi tắt là DOC).<sup>32</sup> Thoả thuận không mang tính ràng buộc này nhằm mục đích

<sup>31</sup> CHND Trung Hoa, *Note Verbale* cml/17/2009, 7 May 7 2009, tham khảo [http://www.un.org/Depts/los/clcs\\_new/submissions\\_files/mysvnm33\\_09/chn\\_2009re\\_mys\\_vnm\\_e.pdf](http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/chn_2009re_mys_vnm_e.pdf).

<sup>32</sup> Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông, được Bộ trưởng các nước ASEAN và CHND Trung Hoa thông qua, tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 8, Phnom Penh, Campuchia, 4/11/2002 (Gọi tắt là DOC).

thúc đẩy “sự tôn trọng và cam kết đối với tự do hàng hải và tự do hàng không trên Biển Đông được quy định bởi các nguyên tắc của luật quốc tế, trong đó có UNCLOS 1982”.<sup>33</sup> Thoả thuận này cũng nhằm giải quyết một cách hoà bình các tranh chấp bằng các nguyên tắc của luật quốc tế (trong đó có UNCLOS) và nhằm “kiềm chế...trong đó... có việc dùng các hoạt động đưa người đến các đảo, đá, và các thực thể không có người ở khác cũng như giải quyết các bất đồng một cách xây dựng”.<sup>34</sup> Theo Tuyên bố DOC, các tranh chấp lãnh thổ được giải quyết “thông qua tham vấn hữu nghị và đàm phán giữa các quốc gia có chủ quyền trực tiếp liên quan”.<sup>35</sup>

Trong khi DOC vẫn chưa thể trở thành một thoả thuận đa phương có tính ràng buộc, văn kiện này vẫn góp phần giảm các căng thẳng lãnh thổ tại khu vực và đảm bảo tranh chấp được can dự (nếu như chưa được giải quyết) thông qua các kênh ngoại giao và một cách hoà bình. Thực tế này vẫn tiếp diễn cho tới tháng 3/2009, khi Philippines thông qua nội luật của mình, đưa luật đường cơ sở quần đảo phù hợp với UNCLOS.<sup>36</sup> Mục 2 của Luật này vẽ đường cơ sở quanh nhóm đảo Kalayaan Island group-trong quần đảo Trường Sa – và “bãi cạn Scarborough”, nằm cách 220 km về phía Tây Philippines (nằm gần đất liền nhất). Philippines coi bãi cạn thuộc về lãnh thổ nước này do chiếm đóng hữu hiệu từ khi độc lập vào năm 1946 cũng như tiến hành các hoạt động thăm dò và nghiên cứu trong vùng biển quanh bãi cạn và xây dựng hải đăng ở bãi cạn vào năm 1965.<sup>37</sup> Tuy nhiên, việc Philippines khẳng định chủ quyền lãnh thổ đã tạo ra hiệu ứng domino tới tình hình tranh chấp quốc tế hiện nay.

Trung Quốc, Đài Loan và Việt Nam ngay lập tức phản đối luật đường cơ sở của Philippines, cho rằng đây là sự vi phạm DOC và chủ quyền lãnh thổ của các nước.<sup>38</sup> Việt Nam cũng tăng cường hiện diện trên và quanh một số thực thể đảo đá trên Biển Đông,

---

<sup>33</sup> Như trên, Đoạn 1 [6.3].

<sup>34</sup> Như trên, Đoạn 1 [6.5].

<sup>35</sup> Như trên, Đoạn 1 [6.4].

<sup>36</sup> Luật bổ sung một số điều khoản Luật số 3046, được bổ sung bằng Luật số 5446, để xác định Đường cơ sở quần đảo của Philippines và các mục đích khác, 10/3/2009.

<sup>37</sup> Robert Beckman, ‘Scarborough Shoal: Flashpoint for Confrontation or Opportunity for Cooperation?’ (2012) RSIS Commentaries, 072/2012.

<sup>38</sup> Trung Quốc đưa ra công hàm phản đối việc thông qua luật của Philippines là “yêu sách phi pháp lãnh thổ Trung Quốc...[và] không có hiệu lực.” [Trung Quốc-Công hàm ngày 13/4/2009 liên quan đến Luật Cộng hoà số 9522: Luật bổ sung một số điều khoản của Luật Cộng hoà số 3046, được bổ sung bởi Luật Cộng hoà số 5446, nhằm xác định đường cơ sở quần đảo của Philippines, và với các mục đích khác được CH Philippines nộp lưu chiểu lên Tổng thư ký]; Đài Loan cũng phản đối tương tự với lập luận rằng “chủ quyền của các khu vực thuộc về chính phủ của chúng tôi là không thể phủ nhận” và kêu gọi Philippines tuân thủ các nguyên tắc và tinh thần của Hiến chương Liên Hợp quốc, UNCLOS và DOC, trên trang [http://www.mofa.gov.tw/en/News\\_Content.aspx?n=0E7B91A8FBEC4A94&s=55B8834AD1BE7CB1](http://www.mofa.gov.tw/en/News_Content.aspx?n=0E7B91A8FBEC4A94&s=55B8834AD1BE7CB1). Việt Nam cũng đưa ra phản đối riêng rẽ với lập luận rằng Luật Philipines “vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Trường Sa, làm căng thẳng tình hình, không phù hợp với DOC và đi ngược lại xu hướng hợp tác trong khu vực”, trên trang <http://www.vietnam-un.org/en/news.php?id=77>.



dẫn tới sự phản đối và phản-phản đối từ nhiều nước khác nhau.<sup>39</sup> Trung Quốc tái khẳng định yêu sách đường chín đoạn, đồng thời tăng cường hiện diện quân sự trên và quanh khu vực, đặc biệt là quanh Quần đảo Trường Sa.<sup>40</sup>

Tháng 5/2009, Malaysia và Việt Nam đáp trả lại động thái của Philippines khi cùng đưa một đề trình chung lên Ủy ban ranh giới về thềm lục địa.<sup>41</sup> Đề trình này yêu sách vùng biển và thềm lục địa 200 hải lý tính từ đất liền của hai nước, trong đó bao gồm nhiều vùng biển nằm trong đường chín đoạn mà Trung Quốc yêu sách, bao gồm có quần đảo Trường Sa. Điều này khiến cho căng thẳng và phản đối ngày càng leo thang.<sup>42</sup> Trung Quốc phản đối gay gắt, lập luận rằng đề trình chung “vi phạm nghiêm trọng chủ quyền Trung Quốc” tại Biển Đông. Trung Quốc lập luận rằng:

“Trung Quốc có chủ quyền không thể tranh cãi đối với các đảo tại Biển Đông và vùng biển lân cận, và hưởng các quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng biển liên quan cũng như đáy biển và vùng đất dưới đáy biển. Lập trường trên được Chính phủ Trung Quốc kiên trì theo đuổi và được cộng đồng quốc tế biết tới một cách rộng rãi.”<sup>43</sup>

Để củng cố cho yêu sách này, Trung Quốc đã gửi kèm một bản đồ Biển Đông có cái gọi là “đường chín đoạn.” Trung Quốc lập luận rằng yêu sách này được củng cố bởi “hàng loạt bằng chứng lịch sử và pháp lý.”<sup>44</sup> Điều này đồng thời dẫn đến các lập luận đối kháng và các bên yêu sách chính của Biển Đông tăng cường gửi công hàm phản đối lẫn nhau,<sup>45</sup> trong đó Trung Quốc khẳng định “từ những năm 1970, Cộng hòa Philippines bắt đầu xâm lược và chiếm đóng một số đảo và đá của trung Quốc” [nhấn mạnh].

---

<sup>39</sup> Vào tháng 3/2009, đã có sự đụng độ với tàu do thám của Mỹ ngoài quần đảo Hải Nam, dẫn đến nhiều phản đối từ phía Mỹ và quanh quần đảo Hoàng Sa. Trung Quốc cũng đã tăng cường hiện diện thương mại trong khu vực. Tham khảo Bonnie S. Glaser, *Armed Clash in the SCS; Contingency Planning Memorandum No. 14* (Council on Foreign Relations, 2012), 1–11.

<sup>40</sup> Như trên.

<sup>41</sup> Như trên, UNCLOS, Điều 76, đoạn 8.

<sup>42</sup> Việc đề trình chung dẫn đến việc phản đối đáng kể trên kênh ngoại giao từ phía các quốc gia ven biển trong khu vực. Đặc biệt, Philippines và Trung Quốc lập luận rằng yêu sách chồng lấn các khu vực mà các nước này thực hiện kiểm soát chủ quyền. Trong trường hợp của Philippines, điểm chính gây ra xung đột là khu vực bắc Borneo, mặc dù Philippines đưa ra danh sách các đảo không xác định là yếu tố gây tranh cãi.

<sup>43</sup> Tham khảo CHND Trung Hoa, Note Verbale cml/17/2009, 7/5/2009, trên trang [http://www.un.org/Depts/los/clcs\\_new/submissions\\_files/mysvnm33\\_09/chn\\_2009re\\_mys\\_vnm\\_e.pdf](http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/mysvnm33_09/chn_2009re_mys_vnm_e.pdf); CHND Trung Hoa, Công hàm số cml/18/2009 trên trang [http://www.un.org/Depts/los/clcs\\_new/submissions\\_files/vnm37\\_09/chn\\_2009re\\_vnm.pdf](http://www.un.org/Depts/los/clcs_new/submissions_files/vnm37_09/chn_2009re_vnm.pdf).

<sup>44</sup> Như trên.

<sup>45</sup> Việt Nam yêu sách rằng mình “có đủ chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lý” thiết lập chủ quyền đối với phần lớn các quần đảo tại Biển Đông, trong đó có quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Malaysia phản đối yêu sách của Philippines về chủ quyền đối với khu vực Bắc Borneo, Malaysia phản đối yêu sách của Philippines đối với Bắc Borneo là “rõ ràng không có cơ sở theo luật quốc tế”. Cũng cần ghi nhận về đánh giá riêng rẽ của Thẩm phán Franck trong vụ việc về chủ quyền đối với Pulau Ligitan và Pulau Sipadan năm 2001 và việc áp dụng quyền cho phép can thiệp, đưa ra kết luận rằng, con người trên đảo đó thực hiện quyền tự quyết. Mặt khác, Indonesia phản đối kịch liệt công hàm của Trung Quốc, cụ thể là việc sử dụng đường chín đoạn như cơ sở về chủ quyền. Indonesia lập luận rằng

#### **4. Xung đột tại Biển Đông xuất hiện trở lại**

Kết quả của các yêu sách lãnh thổ chồng lấn tại Biển Đông dẫn đến việc các nước ven Biển Đông và Mỹ gia tăng trực tiếp và rõ ràng các hoạt động trên biển.<sup>46</sup> Các hoạt động này gây ra các phản đối và lập luận đối kháng từ nhiều nước, đặc biệt là Trung Quốc, Việt Nam và Philippines. Cho tới năm 2012, DOC rõ ràng đã không ngăn chặn được căng thẳng tại khu vực và xung đột trực tiếp giữa các nước đã trở nên rõ ràng hơn.

Tháng 4/2012, Hải quân Philippines đã bắt một số tàu cá với lý do đánh bắt cá trái phép quanh bãi cạn Scarborough. Đáp lại, các tàu hải giám Trung Quốc đã chặn tàu Philippines và gây ra tình hình đối đầu quân sự căng thẳng quanh khu vực tranh chấp. Tàu hải quân và dân sự Trung Quốc đã tạo rào chắn bằng dây quanh bãi cạn, chặn tàu đánh cá Philippines phía trong.<sup>47</sup> Ngoài tranh chấp này, Trung Quốc cũng bắt đầu cuộc chiến thương mại với Philippines, giữ hàng hoá nhập khẩu tại khu vực hải quan cho đến khi hàng hoá bị hỏng<sup>48</sup> và cắt giảm du lịch tới Philippines.<sup>49</sup>

Tiếp đó, hai bên đã kêu gọi sự tham gia của Mỹ - một cách rõ ràng (đây là một động thái khá ngạc nhiên từ phía Trung Quốc) - nhằm đàm phán dẫn tới ngừng đối đầu.<sup>50</sup> Tháng 6/2012, cả hai bên đồng ý rút khỏi khu vực. Tuy nhiên, trước việc Trung Quốc ngày càng trở thành một cường quốc mới nổi trong khu vực, việc Mỹ can thiệp đã không thể đảm bảo cho sự hợp tác từ phía Trung Quốc. Chỉ có Philippines tuân thủ với thoả thuận đề ra; Trung Quốc tiếp tục duy trì tàu quân sự xung quanh bãi cạn và trong khoảng từ năm 2012-2016, Trung Quốc đã hoàn thành việc trục xuất, không cho tàu Philippines đánh cá ở đây.<sup>51</sup>

---

“không có lời giải thích rõ ràng như cơ sở pháp lý, phương pháp vẽ và quy chế của các đường nối liền; rằng thông qua việc gia nhập, không quốc gia nào không được sử dụng các đá, đá san hô, đảo san hô không người ở, tách biệt với đất liền và nằm giữa biển như là một cơ sở để mở rộng vùng biển”; và đường chín đoạn “rõ ràng thiếu cơ sở pháp lý quốc tế và đi ngược lại UNCLOS 1982”. Philippines nhấn mạnh rằng yêu sách Trung Quốc vi phạm chủ quyền của nước này và yêu sách đối với quần đảo KIG-một phần của quần đảo Trường Sa-vùng nước lân cận, đáy biển và vùng đất dưới đáy biển được tạo thành một phần không thể tách rời với Philippines”.

<sup>46</sup> Có nhiều quốc gia cử quan chức chính phủ đến các thực thể trên Biển Đông, thăm dò dầu khí, mở ra các chiến dịch du lịch trên những đảo nhỏ lớn hơn và tiến hành các hoạt động quân sự. Trung Quốc thể hiện rõ thái độ hung hăng, ngay lập tức va chạm với tàu hải quân của Mỹ, bắt và giữ tàu cá Việt Nam quanh các thực thể tranh chấp, tiến hành các hoạt động trên biển và trên không ở ạt trên toàn khu vực Biển Đông. Tham khảo Yann-huei Song, ‘The Declaration on Conduct of Parties and Code of Conduct in the scs: Recent Actions Taken by asean’ (2011) 52 *Asia-Pacific Forum*, tr.1-54.

<sup>47</sup> Tham khảo the Inquirer, 30 Chinese vessels sighted at Scarborough Shoal, trên trang <http://globalnation.inquirer.net/44945/30-chinese-vessels-sighted-at-scarborough-shoal>.

<sup>48</sup> Tham khảo Yale Global, Standoff in the South China Sea, 12/6/ 2012, trên trang <http://yaleglobal.yale.edu/content/standoff-south-china-sea>.

<sup>49</sup> Tham khảo The Wall Street Journal, China Dispute Threatens Philippine Industries, 16/5/2012, trên trang <http://www.wsj.com/articles/SB10001424052702303879604577407730408858666>.

<sup>50</sup> Tham khảo the National Interest, Learning the Lessons of Scarborough Reef, 21/11/ 2013, trên trang <http://nationalinterest.org/commentary/learning-the-lessons-scarborough-reef-9442>.

<sup>51</sup> Tham khảo Lawfare Blog, The scs Dispute: A Brief History, 8/6/2015, trên trang <https://www.lawfareblog.com/south-china-sea-dispute-brief-history>.

Mặc dù có lời hứa về một liên minh thống nhất trên biển Đông giữa Mỹ và Philippines, Mỹ đã không có động thái thực thi thoả thuận hoặc trực tiếp phá vỡ sự chiếm đóng của Trung Quốc tại bãi cạn. Thay vào đó, Mỹ tiếp tục duy trì lập trường mập mờ chiến lược và trung lập rõ ràng, và thúc giục các bên tiếp tục đàm phán hoà bình.<sup>52</sup> Về phần mình, Bắc Kinh coi sự kiện này là bài học chiến lược, với nhiều quan chức và chuyên gia trong nước bàn luận về cách tiếp cận mới cho Châu Á-Thái Bình Dương dựa trên “mô hình Scarborough” với hành vi “chèn ép mở rộng” - và nhằm giảm sự ảnh hưởng chiến lược của Mỹ thông qua việc gây áp lực cho đồng minh của Mỹ tại khu vực.<sup>53</sup>

### **III. Thủ tục trọng tài bắt buộc của UNCLOS và phản ứng của các nước thành viên**

Khi Philippines không có đủ sức mạnh hoặc không nhận được hỗ trợ quân sự trực tiếp từ Mỹ, nước này đã viện đến luật quốc tế để đối kháng với sự ảnh hưởng của Trung Quốc trong vấn đề chủ quyền lãnh thổ. Năm 2013, Philippines đã khởi kiện tranh chấp qua biện pháp thủ tục trọng tài bắt buộc theo Phụ lục VIII, Điều 1 của UNCLOS, nhằm trả lời các vấn đề: (i) Quy chế pháp lý và giá trị của đường chín đoạn của Trung Quốc; (ii) liệu các thực thể trên Biển Đông có khả năng mở rộng các vùng biển hay không, và (iii) liệu các hoạt động của Trung Quốc có can thiệp vào quyền chủ quyền của Philippines hay không.<sup>54</sup> Trung Quốc phản đối thủ tục trọng tài, phản đối thẩm quyền của Toà Trọng tài và nhấn mạnh rằng DOC yêu cầu giải quyết hoà bình tranh chấp các tranh chấp lãnh thổ thông qua các biện pháp song phương.<sup>55</sup> Lập trường này được khẳng định liên tục trong suốt vụ kiện.<sup>56</sup>

Bên cạnh việc phản đối Philippines khởi kiện qua kênh ngoại giao, Trung Quốc tăng cường mạnh mẽ hiện diện quân sự và thương mại tại Biển Đông. Năm 2014, tàu hải quân Trung Quốc đã bao vây bãi Cỏ Mây (Second Thomas Shoal) trên quần đảo Trường Sa, nơi một tàu hải quân của Philippines đã mắc cạn trước đó vào năm 1999, nhằm xây dựng căn cứ quân sự nhỏ nhưng có sự hiện diện lâu dài tại đây. Sau một cuộc đối đầu căng

---

<sup>52</sup> Tham khảo Lawfare Blog, American Paralysis and Troubles in the scs: A Primer on the Philippines-China Arbitration, 13/10/2013, trên trang <https://www.lawfareblog.com/american-paralysis-and-troubles-south-china-sea-primer-philippines-china-arbitration>. Tuy nhiên, sự kiện này tạo ra sự quan tâm đặc biệt từ phía Washington. Sau đó, theo Wikileaks, Ngoại trưởng Clinton được ghi nhận rằng, trong khuôn khổ một bài diễn văn kín, đã công nhận quyền “tự khẳng định” của Trung Quốc nhưng “nếu không ai ở đó để tạo ra sự cân bằng, họ (Trung Quốc) sẽ tạo ra một “đòn khoá cổ” trên biển và cả đối với các nước láng giềng ở Biển Đông.” Tham khảo Douglas Lovelace, Terrorism Commentary on Security Documents, Volume 139: The Rise of China (Oxford, 2015), tr.177–178.

<sup>53</sup> Mira Rapp Hooper, ‘Uncharted Waters: Extended Deterrence and Maritime Disputes’ (2015) 38(1) Washington Quarterly, 127–146, tr.136.

<sup>54</sup> Như trên, Phán quyết, PCA Case No. 2013-19, 12/7/ 2016, tr.11 [28].

<sup>55</sup> Tham khảo Công hàm của Philippines Số 13-0211 và các thông báo liên quan khác, trên trang <https://www.documentcloud.org/documents/2165478-phl-prc-china-note-verbale.html>.

<sup>56</sup> Năm 2014, Trung Quốc đã công bố bản lập trường giải thích điều tương và đưa ra công hàm gửi lên Ban thư ký của Toà PCA tại La Hay, khi Toà UNCLOS đã được thiết lập, nêu ra lập trường không tham gia thủ tục tố tụng. Trong suốt quá trình xét xử, Trung Quốc trước sau khẳng định rằng Philippines phải tuân thủ với luật quốc tế và DOC để giải quyết tranh chấp bằng “các biện pháp hoà bình...thông qua thương lượng song phương để giải quyết tranh chấp”. Như trên, Phán quyết, PCA số 2013-19, 12/7/2016, tr.34 [97].

thắng, Philippines cuối cùng đã phải tiếp viện cho con tàu bị mắc kẹt này bằng đường không khi đường biển đã bị Trung Quốc phong tỏa. Trung Quốc cũng bắt đầu tiến hành các hoạt động tôn tạo đảo và xây dựng các đảo nhân tạo quanh một vài đảo, đá và đảo san hô.<sup>57</sup> Điều này dẫn đến đối đầu căng thẳng giữa Trung Quốc và các quốc gia khác cũng như việc gia tăng căng thẳng trên Biển Đông.

Philippines nhấn mạnh tới các quy định theo Điều 9 (phụ lục VII của UNCLOS-cho phép thủ tục trọng tài bắt buộc, khi một trong hai bên vắng mặt, Tòa UNCLOS vẫn có thể xem xét các yêu sách có giá trị pháp lý (legal merit) và Tòa có thẩm quyền xét xử.<sup>58</sup> Tháng 3/2015, Philippines bổ sung đệ trình sau khi Trung Quốc tăng cường các hoạt động tại quần đảo Trường Sa, đề nghị Tòa xem xét liệu hoạt động đó có làm căng thẳng tranh chấp giữa các bên một cách bất hợp pháp không. Nói tóm lại, điều này dẫn đến số lượng câu hỏi Tòa của Philippines lên tới 15 câu hỏi luật khác nhau theo UNCLOS, với bốn nội dung tách biệt.<sup>59</sup>

### ***1. Thẩm quyền đối với đơn kiện***

Trong cả hai Phán quyết về thẩm quyền và khả năng thụ lý (admissibility) ngày 25/10/2015 và Phán quyết chung ngày 12/7/2016, Tòa nhận định rằng tất cả trừ một trong số 15 câu hỏi thuộc vào phạm vi của các điều khoản về trọng tài bắt buộc của UNCLOS. Đặc biệt, Tòa nhận thấy sự thiếu thẩm quyền của mình trong việc giải quyết về vấn đề pháp lý liên quan đến hành động của Trung Quốc ở và quanh bãi Cỏ Mây năm 2014, vì điều 298(1)(b) của UNCLOS hạn chế thẩm quyền về giải quyết các tranh chấp liên quan đến các hoạt động quân sự.<sup>60</sup>

### ***2. Một số nhận định về tính hợp pháp của đường chín đoạn***

Tòa nhận định rằng Tòa có thẩm quyền để xem xét đường chín đoạn – nội dung cơ bản trong yêu sách chủ quyền với gần như toàn bộ Biển Đông mà Trung Quốc đưa ra. Phần lớn các tuyên bố ngoại giao của Trung Quốc yêu sách quyền lịch sử đối với các nguồn tài nguyên trong đường chín đoạn, nằm ngoài loại trừ trong Điều 298 của Công ước.<sup>61</sup> Tòa nhận định rằng Tòa xem xét rằng những giá trị trong yêu sách của Trung Quốc

---

<sup>57</sup> Tham khảo The Guardian, China Proceeds with Building Artificial Islands on Reefs claimed by Philippines, 27/6/2015, trên trang <https://www.theguardian.com/world/2015/jun/27/china-proceeds-with-building-artificial-islands-on-reefs-claimed-by-philippines>.

<sup>58</sup> Điều 9 quy định “Khi một trong số các bên trong vụ tranh chấp không ra Tòa hoặc không trình bày các lý lẽ của mình, thì bên kia có thể yêu cầu Tòa tiếp tục trình tự tố tụng và phán quyết. Việc một bên vắng mặt hay việc một bên không trình bày các lý lẽ của mình không cản trở cho trình tự tố tụng. Trước khi ra phán quyết, Tòa trọng tài cần phải biết chắc chắn rằng không những Tòa có thẩm quyền xét xử vụ tranh chấp mà còn chắc chắn rằng đơn kiện có cơ sở về mặt thực tế và pháp lý.”

<sup>59</sup> Như trên, Phán quyết về Thẩm quyền và khả năng thụ lý, pca Case No. 2013-19, 29/10/ 2015, tr.34 [101].

<sup>60</sup> Tòa nhận định rằng, các hành vi của Trung Quốc là mang tính hoà bình và không trực tiếp dẫn tới các hoạt động vì mục đích quân sự hay hoạt động vì những lý do quân sự. Tương tự, Phán quyết, Vụ PCA số 2013-19, 12/7/ 2016, tr.412 [1026–1027].

<sup>61</sup> Trong khi điều 298 UNCLOS cho phép ngoại lệ đối với thẩm quyền giải quyết các tranh chấp liên quan tới vịnh hay danh nghĩa lịch sử, Tòa kết luận rằng điều này chỉ áp dụng cho các vịnh và vùng biển gần đất liền nhưng không phải vùng biển lớn. Tòa cũng nhận định rằng lập trường của Trung Quốc có liên quan tới đường chín đoạn có



về đường chín đoạn có thể chỉ được mở rộng thành yêu sách đối với các nguồn tài nguyên nằm trong khu vực mà đường chín đoạn tạo ra. Toà sau đó cũng nhận định yêu sách lịch sử và các hoạt động của Trung Quốc chưa bao giờ cấu thành một yêu cầu chính thức về mặt ngoại giao hay trên thực tế liên quan tới việc chiếm đóng đặc biệt (exclusive) và kiểm soát đối với khu vực nằm trong đường chín đoạn.<sup>62</sup> Toà kết luận rằng bất cứ các quyền đặc biệt nào đối với tài nguyên đều bị loại bỏ khi Trung Quốc phê chuẩn UNCLOS năm 1996 vì những quyền đó không phù hợp với vùng đặc quyền kinh tế được thiết lập trong Công ước.

### **3. Nhận định về quy chế của các thực thể trên biển**

Toà kết luận rằng mình có thẩm quyền xác định quy chế đối với các thực thể tranh chấp tại Biển Đông.<sup>63</sup> Toà phủ nhận lập luận của Trung Quốc rằng tranh chấp này thuộc về chủ quyền lãnh thổ và nằm ngoài phạm vi điều chỉnh của Công ước, đồng thời, Toà cũng phủ nhận câu hỏi này liên quan tới việc phân định ranh giới biển, khiến Toà không có thẩm quyền trong vụ việc.<sup>64</sup>

Theo Toà, quy chế của các thực thể trên biển theo UNCLOS phải được đánh giá dựa trên “điều kiện tự nhiên” của chúng theo Điều 121, tức là điều kiện mà các thực thể có trước khi có sự can thiệp của con người, đặc biệt là trước khi Trung Quốc thay đổi hiện trạng ngay sau khi tranh chấp được đệ trình lên Toà trọng tài thường trực PCA. Khi Toà chấp nhận rằng nhiều thực thể trên biển trong quần đảo Trường Sa – trong đó có bãi cạn Scarborough- là bãi nổi khi nước triều dâng cao theo Điều 121,<sup>65</sup> Toà xác định rằng không thực thể trên biển nào (theo bản chất tự nhiên) có khả năng duy trì một đời sống con người một cách độc lập. Do đó, những thực thể đó là “đá”, không có khả năng có vùng đặc quyền kinh tế một cách riêng lẻ hay tổng thể.<sup>66</sup>

---

về như là có chủ đích không rõ ràng và không có yêu sách cụ thể liên quan đến danh nghĩa lịch sử đối các vùng biển ở Biển Đông. Như trên, Phán quyết, tr. 97 [228–229].

<sup>62</sup> Trong quá trình đàm phán UNCLOS, đã có những xem xét và bàn luận để trả lời các câu hỏi liên quan tới các quyền tồn tại trước đó. Dù nhiều quốc gia mong muốn quyền lịch sử đối với tài nguyên được giữ lại, lập trường cuối cùng là các quốc gia ven biển có thể có đặc quyền đối với tài nguyên.

<sup>63</sup> Như trên, Phán quyết về thẩm quyền, Vụ việc PCA số 2013-19, 29/10/2015, tr. 66 [168].

<sup>64</sup> Có điều này là vì UNCLOS đã có sự phân biệt giữa các thực thể ở trên mặt nước và không ở trên mặt nước khi thủy triều lên cao. Những thực thể dưới mặt nước khi thủy triều dâng cao không có các vùng biển. Tương tự, các thực thể trên mực nước khi triều lên không có khả năng duy trì đời sống con người được xếp thành “Đá” và do đó không có khả năng mở rộng vùng đặc quyền kinh tế hay thềm lục địa. Toà chấp nhận là có tồn tại tranh chấp lãnh thổ đối với một số đảo trên Biển Đông, Toà cũng xác định rằng Toà vẫn giải quyết các câu hỏi pháp lý do Philippines đặt ra mà không cần xác định nước nào có chủ quyền đối với các đảo. Vấn đề về quy chế của các thực thể trên biển Đông, theo Toà, được xem là điều kiện tiên quyết cho thảo luận về biên giới trên biển. *Như trên, Phán quyết về Thẩm quyền*, tr.71–74 [179]–[188], 232–237, 254 [625]–[626], 256 [632]–[633].

<sup>65</sup> Phán quyết, Vụ việc PCA số 2013-19, 12/7/2016, tr. 174 [378]–[384], 232–237, 254 [625]– [626], 256 [632]– [633].

<sup>66</sup> Tuy nhiên, theo UNCLOS, đá chỉ có khả năng mở rộng lãnh hải rộng 12 hải lý. Vì Toà không xác định liệu quốc gia nào có chủ quyền đối với các đá đó không, do đó, có thể Trung Quốc vẫn giữ được các quyền lãnh thổ thích đáng đối với một số điểm ở bãi cạn Scarborough. Như trên, UNCLOS, Điều 13.

#### **4. Các hoạt động của Trung Quốc**

Xác định rằng các đảo ở Trường Sa không có vùng đặc quyền kinh tế, Toà nhận định rằng các hoạt động của Trung Quốc mà Philippines khởi kiện diễn ra trong vùng đặc quyền kinh tế của Philippines. Toà xác định rằng những hoạt động này can thiệp vào đặc quyền về nghề cá và các nguồn tài nguyên dưới đáy biển của Philippines một cách trực tiếp và gián tiếp khi ngăn cản ngư dân đánh cá. Toà cũng nhận định rằng hoạt động xây dựng là không phù hợp với đặc quyền sử dụng và khai thác vùng biển của Philippines. Toà nhận định rằng các hoạt động thực thi pháp luật (phi quân sự) của Trung Quốc can thiệp vào quyền qua lại an toàn của Philippines tại vùng biển của mình.

Toà cũng nhận định rằng Trung Quốc vi phạm điều 192 UNCLOS về việc yêu cầu các quốc gia bảo vệ và bảo tồn môi trường biển nói chung. Toà phát hiện ra rằng Trung Quốc đã cho phép công dân săn bắt các loài sinh vật đang gặp nguy hiểm trên Biển Đông như cá mập, lươn, rùa, sò khổng lồ và san hô trên quy mô lớn. Trung Quốc vẫn làm điều đó dù là thành viên của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp<sup>67</sup> và đã thông qua nội luật bảo vệ các loài này. Toà kết luận rằng Trung Quốc chưa bao giờ có những hành động hợp lý (due diligence) để ngăn cấm các hành vi nguy hiểm này hay để thực hiện các nghĩa vụ chung khác mà các quốc gia phải thực hiện theo Điều 192 UNCLOS. Toà nhận định Trung Quốc, thông qua việc cung cấp vũ khí, đã chủ động hỗ trợ các hoạt động săn bắn nêu trên.<sup>68</sup>

#### **5. Tranh chấp căng thẳng**

Toà bảo lưu nhận định nhạy cảm nhất đối với các hoạt động bồi đắp và tôn tạo đảo mà Trung Quốc tiến hành ngay sau khi Philippines khởi kiện thủ tục trọng tài bắt buộc. Toà nhận định các hoạt động trên:

Rõ ràng làm gia tăng căng thẳng giữa các nước thành viên...[và] việc thực thi phán quyết của Toà rõ ràng sẽ gây khó khăn cho các bên... Bất cứ các hoạt động nào khác của các quốc gia còn lại trên Biển Đông đều là không đáng kể so với hoạt động xây dựng hiện nay của Trung Quốc... gây ra tổn hại thường trực cho hệ thống san hô tại Biển Đông. Theo quan điểm của Toà, các hoạt động của Trung Quốc làm gia tăng căng thẳng tranh chấp giữa các nước thành viên xét từ khía cạnh môi trường... Trung Quốc đã làm ảnh hưởng tới tính toàn vẹn của quá trình tố tụng và khiến việc xét xử trước Toà trở nên khó khăn hơn.<sup>69</sup>

Toà nhận định rằng các hoạt động này vi phạm nghĩa vụ của Trung Quốc về giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hoà bình theo luật quốc tế nói chung và Điều 279 UNCLOS. Ngoài ra, Toà xác định tình hình căng thẳng này cũng vi phạm nghĩa vụ của Trung Quốc theo Điều 296 UNCLOS về việc tuân thủ thẩm quyền của toà theo UNCLOS

---

<sup>67</sup> Công ước về thương mại quốc tế đối với các loài động, thực vật hoang dã đang gặp nguy hiểm, được ký kết ngày 3/3/1973, tại Washington, có hiệu lực ngày 1/7/1975.

<sup>68</sup> Như trên, Phán quyết, tr. 383 [963]–[964].

<sup>69</sup> Như trên, Phán quyết, tr.462–462, [1177]–[1179].

và tuân thủ với bất cứ phán quyết do toà đưa ra. Cuối cùng, Toà kết luận Trung Quốc đã lạm dụng quyền và không thiện chí với tất cả các điều khoản của UNCLOS, theo Điều 300 và luật quốc tế nói chung.

### **6. Các phản ứng đối với phán quyết của Toà**

Cùng với việc phản đối chức năng, thẩm quyền, thiện chí của Toà trước khi có phán quyết, Trung Quốc tuyên bố phán quyết cuối cùng “là một trò hề chính trị viện có pháp luật” và tuyên bố rằng “chủ quyền lãnh thổ và lợi ích biển tại Biển Đông sẽ không bị tác động bởi phán quyết trong bất cứ tình huống nào”.<sup>70</sup> Bộ Ngoại giao ROC tái khẳng định rằng sẽ không “chấp nhận bất cứ hình thức giải quyết qua bên thứ ba hoặc một giải pháp áp đặt nào... Trung Quốc sẽ tiếp tục làm việc với các nước trực tiếp liên quan thông qua đàm phán dựa trên cơ sở lịch sử và luật quốc tế”.<sup>71</sup>

Mặc dù sử dụng ngôn ngữ mạnh mẽ như vậy, từ khi Phán quyết được đưa ra, Trung Quốc không có nhiều hành động tương đương. Ku và Mirasola lập luận rằng việc tuân thủ phán quyết của Trung Quốc phải được đánh giá qua các hành động, không phải qua ngôn ngữ ngoại giao.<sup>72</sup> Kể từ tháng 7/2016, họ đã tiến hành theo dõi các hoạt động của Trung Quốc trên trang lawfareblog.com và nhận định rằng Trung Quốc “không thể hiện rõ ràng về việc tuân thủ hay vi phạm Phán quyết của Toà”. Trên thực tế, ngay sau phán quyết, Trung Quốc lặng lẽ rút khỏi hàng loạt các ngư trường đang tranh chấp, và rút hoàn toàn khỏi bãi cạn Scarborough. Ku và Mirasola lập luận rằng dường như có khoảng trống đáng kể cho thương lượng, thoả hiệp và thoả thuận bắt đầu từ sau phán quyết của Toà trọng tài”.<sup>73</sup> Có vẻ như Philippines đang tiến dần về phía Trung Quốc khi tăng cường các hoạt động ngoại giao song phương sau Phán quyết. Tháng 11/2016, Philippines khẳng định rằng đàm phán không chính thức đã thúc đẩy hai bên cho phép công dân Philippines được tiếp cận và đi vào các khu vực tranh chấp.<sup>74</sup> Nhiều quan chức cho rằng phán quyết là một phần của quá trình đàm phán và “bất cứ khi nào hai quốc gia bắt đầu đối thoại song phương về Biển Đông, Tổng thống Philippines Duterte có thể đưa phán quyết của Toà trọng tài ra thảo luận với Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình”.<sup>75</sup>

---

<sup>70</sup> Tham khảo Xinhuanet, China Refuses scs Arbitration Award, 12/7/2016, trên trang [http://news.xinhuanet.com/english/2016-07/12/c\\_135507844.htm](http://news.xinhuanet.com/english/2016-07/12/c_135507844.htm).

<sup>71</sup> Như trên.

<sup>72</sup> Tham khảo Lawfare Blog, Tracking China’s Compliance with the scs Arbitral Award: Traditional Fishing Rights Inside the Lagoon at Scarborough Shoal by Julian Ku and Chris Mirasola, 2/11/2016, trên trang <https://www.lawfareblog.com/tracking-chinas-compliance-south-china-sea-arbitral-award-traditional-fishing-rights-inside-lagoon>.

<sup>73</sup> Như trên.

<sup>74</sup> Tham khảo International Business Times, 3 November 2016, available at <http://www.ibtimes.co.uk/philippine-foreign-minister-attributes-renewed-fishing-access-panatag-shoal-trust-building-china-1589622>.

<sup>75</sup> Như trên.

Sau khi xem xét nền tảng của các tranh chấp tại Biển Đông, chúng ta có thể quay trở lại xem xét cách thức luật quốc tế hiểu về sức mạnh trong hệ thống quốc tế và những khả năng cho luật quốc tế có thể được áp dụng trong các tranh chấp như trên.

#### **IV. Luật quốc tế và quyền lực: mối quan hệ vừa tương tác vừa đối lập**

Mối quan hệ giữa luật pháp và quyền lực trong giới học giả pháp lý là một trong những nội dung có nhiều mặt tương tác đối lập đan xen nhất. Ở khía cạnh nội luật, thuyết thực chứng về pháp lý cổ điển của Austin<sup>76</sup> coi quyền lực, theo nghĩa là một định hướng có thẩm quyền của nhà cầm quyền đối với công dân với sự hỗ trợ của sức mạnh cưỡng chế (force of coercion), là nhân tố căn bản để phân biệt “luật pháp” với các mệnh lệnh xã hội khác. Đối với trường phái pháp luật thực chứng cổ điển, quyền lực là nhân tố có vai trò trung tâm trong việc quyết định sự tồn tại của luật pháp. Tuy nhiên, mặt khác, trường phái pháp luật thực chứng hiện đại đã chính thức phân biệt một cách rõ ràng giữa hai cách phân tích luật thực chứng và chuẩn tắc đồng thời đã giải mã được hầu hết các câu hỏi liên quan đến các lực lượng xã hội tạo ra luật và các lựa chọn chuẩn tắc nảy sinh trong quá trình pháp luật hình thành. Theo các lập luận chính của trường phái phân tích pháp lý theo hình thức (formalism) của Langdellian trong đào tạo pháp lý tại trường đại học (vốn tập trung vào việc giải thích và phát triển về mặt khái niệm các quy tắc từ các phán quyết của các Tòa phúc thẩm<sup>77</sup>), mối tương quan giữa quyền lực và sự hình thành cũng như thi hành của luật pháp là một phần không quan trọng trong các nghiên cứu về pháp lý. Trong nhiều trường hợp, việc phân biệt giữa cách phân tích luật thực chứng và chuẩn tắc của chủ nghĩa thực chứng đã dẫn tới tình trạng các luật sư (đặc biệt là những người hành nghề luật) đã coi các phân tích về pháp lý ít nhất là một hiện tượng phi chính trị, trong đó, các vấn đề về quyền lực không mang lại lợi ích đáng kể.

Tuy nhiên, với việc tập trung hơn vào vấn đề giai cấp, các nhà lý thuyết pháp lý theo trường phái Mác-xít từ lâu đã chỉ ra rằng sức mạnh kinh tế của một số giai cấp nhất định trong nội bộ xã hội, đặc biệt là giai cấp chủ tư bản, có vai trò định hình đối với quá trình hình thành và hiểu biết về hệ thống pháp luật quanh các lợi ích của giai cấp đó.<sup>78</sup> Các học giả pháp lý theo trường hiện thực Mỹ ở đầu thế kỷ thứ 20 cũng nhấn mạnh tới ảnh hưởng của quyền lực của một số chủ thể (đặc biệt là các tập đoàn) đối với việc định hình luật trong hệ thống nội luật.<sup>79</sup> Việc nhắc lại lập luận trên về việc luật pháp được định hình bởi quyền lực xã hội của một số nhóm cai trị trong xã hội xuất phát từ phong trào nghiên cứu pháp lý và các bình luận pháp lý gần đây của các nghiên cứu pháp lý thuộc thuyết nữ quyền, phê phán chủng tộc và hậu thực dân.<sup>80</sup>

---

<sup>76</sup> John Austin, *The Province of Jurisprudence Determined* (John Murray, London, 1832) tr.1–2.

<sup>77</sup> Denise Meyerson, *Jurisprudence* (Oxford University Press, 2011), tr.184.

<sup>78</sup> Như trên, Meyerson, at 225.

<sup>79</sup> Fleur Johns, ‘Performing Power: The Deal, Corporate Rule, and the Constitution of Global Legal Order’ (2007) 34(1) *Journal of Law and Society*, 116–138.

<sup>80</sup> Như trên, Meyerson, at 217.



Hệ thống luật quốc tế khác với nội luật ở điểm là không có nhà cầm quyền có khả năng tạo ra luật pháp mang tính ràng buộc tất cả các nước hoặc có các biện pháp cưỡng chế để thực thi luật. Trong các nghiên cứu luật quốc tế, mối quan hệ giữa quyền lực và luật pháp thường được tiếp cận theo một trong ba cách như sau: Thứ nhất, các nghiên cứu luật pháp “mang tính học thuyết” có cách tiếp cận tương đồng với các học giả theo chủ nghĩa thực chứng hiện đại ở cấp độ quốc gia khi tập trung giải thích và phân tích cấu trúc khái niệm bên trong của các nguyên tắc của luật quốc tế mà không quan tâm cụ thể tới lực lượng xã hội rộng lớn hơn trong hệ thống quốc tế, nơi mà các quy định được tạo ra hay việc liệu các quy tắc có được tuân thủ hay không.<sup>81</sup> Cách tiếp cận theo học thuyết này hàm ý giả định rằng sự nhất quán và rõ ràng chuẩn tắc sẽ khiến luật quốc tế có khả năng giúp hệ thống quốc tế tránh được các tác động tiêu cực có thể nảy sinh từ vấn đề quyền lực. Cách tiếp cận thứ hai là một nội dung “quan trọng” trong các nghiên cứu luật quốc tế theo trường phái coi quyền lực của một số quốc gia chủ chốt (và một vài chủ thể phi nhà nước như các tập đoàn xuyên quốc gia lớn) là nhân tố cơ bản định hình nên nội dung và kết quả của luật quốc tế. Cách tiếp cận quan trọng về luật quốc tế này nhằm mục đích thể hiện các quy tắc luật pháp quốc tế có thể xuất phát từ các cường quốc có năng lực định hình việc hình thành và áp dụng luật pháp quốc tế như thế nào. Các nghiên cứu quan trọng về luật pháp quốc tế theo trường phái này bao gồm cách tiếp cận Macxit của Marks<sup>82</sup> và Bowring,<sup>83</sup> các lập luận theo trường phái hậu cấu trúc của Kennedy<sup>84</sup> và Koskenniemi<sup>85</sup> và nghiên cứu xuất phát từ chính sách đối ngoại của Scott.<sup>86</sup>

Cách tiếp cận thứ ba về luật quốc tế và vấn đề quyền lực là cách tiếp cận “hiện thực” của các học giả “luật và kinh tế” Mỹ như Godlsmith và Posner.<sup>87</sup> Cách tiếp cận này đưa ra những giả định và logic về lý thuyết lựa chọn lý tính (xuất phát từ kinh tế vi mô) nhằm lập luận rằng các quốc gia, các chủ thể có những lợi ích riêng trong hệ thống vô chính phủ, nhìn chung sẽ định hình và tuân thủ các quy tắc của luật quốc tế khi các quy tắc này phù hợp với lợi ích của mình. Nếu các quy định của luật quốc tế không phù hợp với lợi ích của một cường quốc, nước này sẽ có xu hướng không tuân thủ, và khả năng cao là các quốc gia khác cũng sẽ không có đủ năng lực cần thiết để đưa ra hành động trả đũa. Các học giả theo trường phái này lập luận rằng cách tiếp cận của họ phản ánh cụ thể cách

---

<sup>81</sup> Antonio Cassese, *International Law, Second Edition* (Oxford University Press, 2005), preface.

<sup>82</sup> Susan Marks, *International Law from the Left: Re-examining Marxist Legacies* (Cambridge University Press, 2008) tr.1–29.

<sup>83</sup> Bill Bowring, *The Degradation of the International Legal Order? The Rehabilitation of Law and the Possibility of Politics* (Routledge-Cavendish, 2008) tr.2–3.

<sup>84</sup> David Kennedy, *International Legal Structures* (Nomos, 1987) tr.1.

<sup>85</sup> Martti Koskenniemi, *From Apology to Utopia: The Structure of International Legal Argument* (Cambridge, 2005) tr.6–8.

<sup>86</sup> Shirley V. Scott, *International Law, us Power: The United States' Quest for Legal Security* (Cambridge, 2012) tr.1–8.

<sup>87</sup> Jack L. Goldsmith and Eric A. Posner, *The Limits of International Law* (Oxford University Press, 2005) tr.1–22.

hành xử của các quốc gia trong những vấn đề liên quan tới những “lợi ích cốt lõi” như an ninh quốc gia, lãnh thổ và khả năng xung đột vũ trang.<sup>88</sup> Xét trên quan điểm đó, sự tuân thủ luật pháp của các quốc gia đơn thuần là kết quả của các tính toán về lợi ích quốc gia đó. Bản thân luật quốc tế không có sức mạnh chuẩn tắc để buộc các quốc gia tuân thủ. Lập trường lý thuyết này đưa đến kết luận rằng các cường quốc sẽ chỉ tuân thủ luật quốc tế khi các tính toán được-mất cho thấy lợi ích quốc gia của họ được bảo đảm.

Nhiều học giả quan hệ quốc tế theo trường phái “hiện thực” Mỹ cũng chấp nhận lý thuyết xuất phát từ lý thuyết lựa chọn lý trí và lời đi vai trò của luật quốc tế.<sup>89</sup> Một ví dụ rõ ràng nhất gần đây về cách tiếp cận này đến từ giáo sư Graham Allison, trường Kennedy of Government thuộc Đại học Harvard, khi ông bình luận về phản ứng của Trung Quốc đối với vụ kiện Biển Đông như sau:

“Quan sát cách mà thành viên thường trực của Hội đồng bảo an luôn làm trái ngược với những gì họ nói, rất khó để phủ nhận các quan điểm của chủ nghĩa hiện thực rằng PCA và các toà án khác tại La Hay – như Toà án công lý quốc tế ICJ và Toà án hình sự quốc tế ICC – chỉ dành cho các nước nhỏ. Các nước lớn không công nhận thẩm quyền của các toà này – trừ nhiều trường hợp đặc biệt khi họ tin rằng việc này sẽ đem lại lợi ích cho mình. Tóm tắt của Thucydides về cuộc đối thoại Melian “kẻ mạnh làm những điều mà họ muốn làm, kẻ yếu chịu đựng những điều họ buộc phải làm” – có vẻ như phóng đại. Nhưng tuần này, khi Toà ra phán quyết chống lại Trung Quốc, Bắc Kinh được cho là sẽ có động thái giống như các cách các cường quốc vẫn thường làm.”<sup>90</sup>

Tương tự, học giả hàng đầu về quan hệ quốc tế của Mỹ John Mearsheimer đã miêu tả phản ứng của Trung Quốc đối với vụ kiện Biển Đông là phù hợp với vị thế của một cường quốc mới nổi và đang thiết lập phạm vi ảnh hưởng của mình tại khu vực Châu Á-Thái Bình Dương. Mearsheimer nhận thấy sự tương đồng giữa thái độ của Trung Quốc đối với vụ kiện-bao gồm cả việc nước này sử dụng chiến lược cường chế lan rộng theo “mô hình Scarborough” – với Học thuyết Monroe nhằm loại bỏ vai trò của các cường quốc Châu Âu ở phía Tây Bán Cầu<sup>91</sup> của Mỹ vào thế kỷ 19<sup>92</sup>. Đây là những nhận định có cơ sở về vai trò của luật quốc tế trong UNCLOS trong bối cảnh giải quyết tranh chấp Biển Đông. Nhận định này cho rằng vì Trung Quốc đang ngày càng phát triển về kinh tế và quân sự, nước này sẽ chỉ lựa chọn tuân thủ các quy định luật quốc tế phù hợp với lợi

---

<sup>88</sup> Francis Boyle, *World Politics and International Law* (Duke University Press, 1985) tr.6–7.

<sup>89</sup> Các tác giả này thường dựa vào “lý thuyết hiện thực cơ cấu” của Kenneth Waltz, dựa trên các phân tích lựa chọn duy lý. Tham khảo Kenneth N. Waltz, *Theory of International Politics* (Waveland Press Inc, 2010) tr.79–101.

<sup>90</sup> Tham khảo *The Diplomat*, Of Course China, Like All Great Powers, Will Ignore an International Legal Verdict, 11/7/2016, available at <http://thediplomat.com/2016/07/of-course-china-like-all-great-powers-will-ignore-an-international-legal-verdict/>.

<sup>91</sup> Tương tự, Mearsheimer’s speech, at 8. See also Shirley Scott, ‘China’s nine-dash line, international law, and the Monroe Doctrine analogy’ (2016) 30(3) *China Information*, 296–311.

<sup>92</sup> Bài phát biểu của John Mearsheimer tại Đại học Sydney ngày 5/8/2010, trên trang <http://sydney.edu.au/news/84.html?newsstoryid=5351>.

ích quốc gia của mình. Do đó, vai trò và khả năng áp dụng luật quốc tế sẽ thay đổi tùy theo sự phát triển của Trung Quốc trong khu vực.

Cách tiếp cận này tập trung vào các “lý thuyết đối đầu” của cân bằng quyền lực với nội dung chính cho rằng việc đảm bảo tình trạng cân bằng trong sức mạnh quân sự và kinh tế giữa các quốc gia chủ chốt là nhân tố quyết định giúp kiềm chế tham vọng bành trướng của một quốc gia mới nổi trong khu vực. Một ví dụ điển hình cho trường phái này là việc hai học giả Walt và Mearsheimer<sup>93</sup> kêu gọi Mỹ áp dụng chiến lược “cân bằng từ xa” (offshore balancing) nhằm ngăn chặn sự trỗi dậy của Trung Quốc như là một bá quyền khu vực tại Tây Thái Bình Dương. Điều này bao gồm việc Mỹ thúc đẩy tiến trình “cân bằng từ xa”, trong đó, một liên minh các quốc gia trong khu vực, với sự hỗ trợ và chống lưng của Mỹ, đưa ra chính sách tăng cường sức mạnh tổng hợp kinh tế/quân sự có khả năng ngăn chặn bất đồ ý đồ bành trướng nào của Bắc Kinh (cả ở trên biển lẫn đất liền).<sup>94</sup> Theo quan điểm rộng hơn của Mearsheimer về việc luật pháp và các thể chế quốc tế không có mối liên quan đáng kể tới hành vi của quốc gia,<sup>95</sup> luật quốc tế khó có khả năng phát huy vai trò trong bối cảnh mà xung đột tiềm tàng trong khu vực xuất phát từ các đe dọa sử dụng biện pháp quân sự của một quốc gia thể hiện hành vi bành trướng lại chỉ được quản lý bởi các tính toán mang tính chất tư lợi.

Tuy nhiên, liệu quan điểm “hiện thực” của các học giả theo thuyết lựa chọn duy lý có phải đã quá coi nhẹ vai trò của luật quốc tế có thể có trong việc quản lý các tranh chấp như ở Biển Đông hay không? Liệu các lý thuyết mang cách nhìn mở hơn đối với vai trò tích cực của quan hệ giữa luật quốc tế và quyền lực có thể được xây dựng trong bối cảnh này hay không? Để trả lời cho câu hỏi này, bài viết sẽ xem xét lại trường phái lý thuyết, vốn thường bị bỏ qua, cho rằng mối quan hệ giữa vấn đề quyền lực và luật quốc tế có vai trò quan trọng khi xem xét các khả năng của luật quốc tế. Trường phái này cũng tập trung vào khái niệm “cân bằng quyền lực.” Tuy nhiên, điểm khác ở đây là, nó tập trung chủ yếu vào những khía cạnh “liên kết” của cân bằng quyền lực. “Cân bằng quyền lực liên kết” ở đây có nghĩa sự cân bằng thiết thực giữa các quyền lực về cả vật chất/kinh tế/quyền lực mềm giữa các quốc gia chủ chốt trong một khu vực cụ thể có khả năng ngăn chặn một quốc gia khác khỏi việc chi phối quá trình hình thành và/hoặc thực thi luật quốc tế. Cân bằng quyền lực liên kết cung cấp các điều kiện cho các trao đổi có đi có lại giữa các quốc gia trong khu vực – điều kiện cần thiết để xây dựng tính chính thống của hệ thống luật quốc tế và cải thiện việc tuân thủ các quy định của luật quốc tế.

Khái niệm cân bằng quyền lực xuất phát chủ yếu từ các nghiên cứu về luật quốc tế và quan hệ quốc tế. Luật gia quốc tế đầu thế kỷ 20 Lassa Oppenheim là người đầu tiên

---

<sup>93</sup> John J. Mearsheimer và Stephen M. Walt, ‘The Case for Offshore Balancing’ (2016) 95(4) Foreign Affairs, 70–83.

<sup>94</sup> Như trên.

<sup>95</sup> Như trên.

đưa ra khái niệm cân bằng quyền lực liên kết trong tác phẩm đầu tiên của ông về luật quốc tế năm 1905<sup>96</sup> với bình luận như sau:

Định luật đầu tiên và mang tính nguyên tắc có thể rút ra từ lịch sử phát triển luật giữa các quốc gia là luật của các quốc gia chỉ có thể tồn tại khi có một sự cân bằng, cân bằng về quyền lực giữa các thành viên thuộc tập hợp các quốc gia.<sup>97</sup>

Oppenheim lập luận rõ ràng rằng một sự cân bằng quyền lực liên kết cần được duy trì để luật quốc tế có thể được thực thi. Cách tư duy này đã được nhà lý thuyết quan hệ quốc tế người Úc, Hedley Bull mở rộng ông bình luận trong cuốn sách nền tảng của trường phái Anh Quốc trong lý thuyết quan hệ quốc tế, rằng luật quốc tế “có thể tồn tại được như một hệ thống các quy tắc là nhờ vào một sự cân bằng về quyền lực”.<sup>98</sup> Bull giải thích rằng:

Khi một quốc gia thắng thế, nước đó có thể có lựa chọn không quan tâm đến quyền của các nước khác, mà không sợ rằng quyền của mình sẽ bị các nước còn lại lờ đi như một hành động trả đũa. Điều này dẫn tới cảm giác rằng cần phải có một vài sự đảm bảo cho việc tuân thủ các quy định của luật quốc tế, thay vì đơn thuần hi vọng các quốc gia đang thắng thế sẽ lựa chọn tuân thủ pháp luật, điều này khiến nhiều luật sư quốc tế như Oppenheim đưa ra kết luận (như trên).<sup>99</sup>

Khái niệm cân bằng quyền lực liên kết xuất hiện nhiều hơn thời gian gần đây khi được nhà lý thuyết quan hệ quốc tế người Anh Richard Little nêu lên trong nghiên cứu của mình.<sup>100</sup> Ông cho rằng cân bằng quyền lực liên kết xuất phát từ quá trình phát triển của cơ cấu chính quyền nội bộ của một quốc gia:

Cân bằng liên kết gắn bó mật thiết với khái niệm quyền lực nói chung. Sự gắn bó này đã đặt ra một vấn đề mới vì việc các quyền lực có tính cạnh tranh hay có các hành động cưỡng chế trong thế cân bằng đôi đầu đã trở thành một khái niệm in sâu trong cách suy nghĩ của các nhà khoa học xã hội đương đại đến nỗi họ hầu như không có ý niệm nào về các khái niệm quyền lực khác. Chẳng hạn, Baldwin đã ghi nhận rằng “tư duy đương đại về chính trị có xu hướng nhìn nhận quan hệ giữa các quyền lực thường mang tính đối đầu, thái quá, tiêu cực, cưỡng ép và khiến các quốc gia chịu ảnh hưởng không hài lòng.” Định hướng này đã làm lu mờ khái niệm về quyền lực mang tính hợp tác hay tập thể lâu dài.<sup>101</sup>

Qua việc phân tích cách thức cân bằng quyền lực liên kết được mở rộng từ bối cảnh nội bộ quốc gia ra hệ thống quốc tế, Little bình luận như sau:

---

<sup>96</sup> Lassa Oppenheim, *International Law: A Treatise*, Volume 1 (Longmans Green, 1905), tr.1.

<sup>97</sup> Như trên, tr.73.

<sup>98</sup> Hedley Bull, *The Anarchical Society*, 4th Edition (Palgrave, 2012), tr.104.

<sup>99</sup> Như trên, tr.104.

<sup>100</sup> Richard Little, ‘Deconstructing the Balance of Power: Two Traditions of Thought’ (1989) 15(2) *Review of International Studies*, 87–100.

<sup>101</sup> Như trên, tr.92.



Chúng ta biết rằng quyền lực không cần được sử dụng một cách cưỡng ép trên trường quốc tế để thúc đẩy những lợi ích hẹp hòi của từng quốc gia, mà nên mang tính tập thể nhằm duy trì một thể cân bằng công bằng, có thể thể hiện lợi ích của tất cả các thành viên trong hệ thống quốc tế. Do đó, thay vì là nguồn gốc của căng thẳng trên trường quốc tế, chủ quyền của các quốc gia được xem là một cơ chế cần thiết nhằm duy trì thể công bằng giữa các quốc gia trong hệ thống, giống như cách mà sự “độc lập của mỗi bên”, theo cách nói của Bolingbroke, giữa các thiết chế trong một chính phủ hỗn hợp có thể duy trì một sự cân bằng hợp lý trong xã hội.<sup>102</sup>

Cân bằng quyền lực không phải là một khái niệm rõ ràng hay nói cách khác là một đặc tính tự nhiên của hệ thống quốc tế.<sup>103</sup> Cùng với sự thiết lập chính phủ hỗn hợp trong bối cảnh quốc gia, cân bằng quyền lực cần được tạo ra, tái tạo và bảo vệ bởi nỗ lực tự thân của các quốc gia. Như Little bình luận, “để vận hành, bắt buộc phải có một “tình trạng cân bằng công bằng” đạt được qua thỏa thuận giữa các bên”.<sup>104</sup> Ý tưởng về “thể công bằng” giữa các quyền lực trong khu vực gợi mở về việc xem xét lại ý tưởng về “cân bằng quyền lực” trong xã hội quốc tế đã từng bị bỏ quên trước đây.

#### **V. Cân bằng quyền lực liên kết và các khả năng cho luật quốc tế có thể phát huy vai trò trong các tranh chấp ở Biển Đông**

Cân bằng quyền lực liên kết do Oppenheim, Bull và Little khởi xướng rất khác với cách tiếp cận về đối đầu trong cân bằng quyền lực. Việc “cân bằng” quyền lực về quân sự/kinh tế trong khu vực không nhằm mục đích tạo ra nỗi sợ hãi về việc trả đũa quân sự ở quốc gia muốn bành trướng, thay vào đó, cân bằng này sẽ là cơ sở giúp các quốc gia đứng đầu nâng cao các điều kiện giúp họ có thể chia sẻ quyền lực theo hướng công bằng và có đi có lại. Với một sự cân bằng quyền lực liên kết, một sự cân bằng tương đối về mặt sức mạnh quân sự và kinh tế trong khu vực tạo ra điều kiện trong đó, các quy định được tạo ra có thể đại diện một cách công bằng lợi ích của tất cả các quốc gia, thay vì phục vụ cho một nước bá quyền nhất định. Sự cân bằng này tạo ra điều kiện có đi có lại giữa các quốc gia, xây dựng tính thích đáng, đây là một khía cạnh quan trọng của nghĩa vụ pháp lý, có thể buộc các quốc gia tuân thủ các quy định pháp lý, mà không toan tính tư lợi.<sup>105</sup> Như Brunné và Toope giải thích, khía cạnh về “nghĩa vụ pháp lý” có thể buộc các quốc gia tuân thủ luật pháp này, là một “giá trị gia tăng” mà luật pháp có thể cung cấp trong quá trình quản lý tranh chấp.<sup>106</sup>

Hai học giả này giải thích rằng để xây dựng tính thích đáng (legitimacy) thông qua nghĩa vụ pháp lý, các quốc gia buộc phải “cam kết trao đổi, sẵn sàng lắng nghe, và không

---

<sup>102</sup> Như trên, tr.95.

<sup>103</sup> Như trên.

<sup>104</sup> Như trên.

<sup>105</sup> Jutta Brunnée và Stephen J. Toope, *Legitimacy and Legality in International Law: An Interactional Account* (Cambridge University Press, 2010), tr.38.

<sup>106</sup> Như trên, tr.55.

ngại thay đổi cách nhìn theo cách có đi có lại”.<sup>107</sup> Bài viết cho rằng cân bằng quyền lực liên kết ở cấp độ khu vực là cần thiết để tạo ra điều kiện căn bản mà ở đó các quy định của luật quốc tế có thể được củng cố thông qua tính thích đáng và nghĩa vụ pháp lý. Cân bằng quyền lực liên kết do đó thể hiện quan điểm mở và lạc quan hơn đối với vai trò của luật quốc tế theo nghĩa công nhận khả năng ảnh hưởng chuẩn tắc của các quy định pháp lý, ngay cả trong những vấn đề an ninh quan trọng giữa các quốc gia.<sup>108</sup>

Từ quan điểm này, các luật sư quốc tế nghiên cứu về tranh chấp lãnh thổ Biển Đông cần nhìn xa hơn việc phân tích văn bản đơn thuần đối với UNCLOS và các nguồn luật chính thức khác được bàn luận ở Mục 3 trong bài này.

Theo như bình luận của Booth vào đầu những năm 1980s, ngành Luật quốc tế và Nghiên cứu chiến lược chỉ có mối liên quan rất nhỏ khi giải đáp các vấn đề an ninh quốc tế.<sup>109</sup> Tuy nhiên, nhóm tác giả cho rằng, khi phân tích tranh chấp Biển Đông, các phân tích về cân bằng quyền lực khu vực cần phải là một nghiên cứu mang tính liên ngành, kết nối các ngành như Nghiên cứu chiến lược, Quan hệ quốc tế và Luật quốc tế. Các phân tích dựa trên cân bằng quyền lực liên kết có thể đưa ra các cảnh báo cho việc kỳ vọng quá nhiều vào luật quốc tế trong bối cảnh cân bằng quyền lực khu vực đang ở trong trạng thái không ổn định. Điều này không có nghĩa từ chối các quy định của luật quốc tế, nhưng thay vào đó công nhận rằng tính hiệu quả của các quy định phụ thuộc vào việc đạt được thể cân bằng trong cấu trúc quyền lực căn bản trước khi mong chờ rằng tính chuẩn tắc của các quy định luật quốc tế có thể đóng vai trò chủ chốt trong một giải pháp hoà bình tại khu vực.

Do đó, để hiểu một cách đầy đủ các khả năng luật quốc tế trong tranh chấp trên Biển Đông, các luật sư quốc tế cần xem xét tình trạng cân bằng quyền lực liên kết tại Châu Á-Thái Bình Dương cũng như tất cả các bước chuyển và diễn biến quan trọng liên quan tới tranh chấp này. Từ góc độ này, các luật sư quốc tế cần phải chú ý tới ba nền tảng quan trọng trong lịch sử tranh chấp giữa các quốc gia dẫn tới vụ kiện Biển Đông:

- Trung Quốc đã có những bước tiến đáng chú ý về sức mạnh kinh tế và quân sự trong ba mươi năm kể từ khi quá trình đàm phán UNCLOS bắt đầu.

- Trong quá trình đó, Trung Quốc đã có sự trỗi dậy mạnh mẽ về kinh tế và quân sự đặt trong so sánh tương đối với Mỹ.

- Cân bằng về quyền lực quân sự/kinh tế giữa các quốc gia chủ chốt tại khu vực (Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines, Indonesia, Úc) đang chuyển dịch một cách đáng kể do sự trỗi dậy của Trung Quốc. Sự lãnh đạo của siêu cường Mỹ đối với

---

<sup>107</sup> Như trên, Brunnée and Toope, *Legitimacy and Legality in International Law*, tr.353.

<sup>108</sup> Ian Hird, *After Anarchy. Legitimacy & Power in the United Nations Security Council*, (Princeton University Press, 2007); Brunnée and Toope, *Legitimacy and Legality in International Law*, Chapter 6: The Use of Force: Normative Ebb and Flow, 220–271.

<sup>109</sup> Ken Booth, *Law, Force and Diplomacy at Sea* (Routledge, 2014), tr.5.

nhóm quốc gia chủ chốt trong khu vực gồm Mỹ, Nhật Bản, Philippines, Úc đang đối mặt với thách thức ngày một cao từ sự trỗi dậy về sức mạnh quân sự/kinh tế của Trung Quốc.

Việc tập trung vào cân bằng quyền lực liên kết có thể làm giảm những kỳ vọng với việc luật quốc tế có thể một mình phát huy vai trò trong bối cảnh tranh chấp. Điều này cho thấy việc tái thiết lập cân bằng quyền lực liên kết hay “thế công bằng” trong khu vực có thể là điều kiện đầu tiên để luật quốc tế có thể đóng vai trò quyết định trong quản lý tranh chấp tại Biển Đông.

Trong lĩnh vực Nghiên cứu chiến lược, Tiến sỹ Hugh White từng bàn luận tới nhu cầu được công nhận vị thế mới của Trung Quốc trong khu vực cũng như việc Mỹ và Trung Quốc cần đạt được một thoả thuận về cùng tồn tại trong quá trình chia sẻ quyền lực tại khu vực.<sup>110</sup> White cũng đề xuất rằng Úc có thể giúp Mỹ có được hướng đi giữa hai lựa chọn đều không hữu hiệu trong việc tái lập lại cân bằng quyền lực trong khu vực là duy trì xung đột và bỏ qua các lợi ích trong khu vực.<sup>111</sup> Sự hiểu biết lẫn nhau giữa Trung Quốc và Mỹ đối với việc chia sẻ quyền lực trong khu vực có lẽ sẽ cần một sự ổn định mà cân bằng quyền lực liên kết có thể mang lại. Điều này có thể liên quan đến việc hình thành các liên minh mới giữa Mỹ và các quốc gia đồng minh của Trung Quốc trong khu vực. Tuy nhiên, việc hình thành những liên minh này chủ yếu là phục vụ mục đích chia sẻ quyền lực giữa Mỹ và Trung Quốc trong khu vực. Cách tiếp cận mang tính ngoại giao hơn như vậy có nghĩa rằng việc áp dụng các lý thuyết chặt chẽ của luật quốc tế có thể cần linh hoạt hơn, đặc biệt trong quá trình đàm phán song phương hoặc đa phương giữa các quốc gia diễn ra sau khi tập trung vào vấn đề cân bằng quyền lực. Sự trỗi dậy của Trung Quốc về mặt kinh tế và quân sự cần phải được công nhận và các vấn đề chiến lược cần được giải quyết một cách triệt để (ví dụ như các vấn đề liên quan đến khu vực phòng thủ ven biển đối với Trung Quốc lục địa và các vấn đề về các điểm neo đậu tại Biển Đông liên quan đến việc tiếp cận ra biển). Cân bằng quyền lực liên kết phải được gắn với các kết quả công bằng mà ở đó các bên đều thấy được lợi ích từ việc nhân nhượng các lập trường riêng của mình vì lợi ích tập thể mạnh mẽ hơn trong khu vực. Theo cân bằng quyền lực liên kết, thông qua một “thế công bằng” trong khu vực, các thoả thuận đạt được sẽ có khả năng tạo ra sự có đi có lại giữa cần thiết giữa các quốc gia để có thể xây dựng tính chính đáng cũng như nghĩa vụ pháp lý thúc đẩy các nước tuân thủ các quy định của luật quốc tế.

Để bảo vệ vai trò hiện nay của luật quốc tế trong quản lý các tranh chấp Biển Đông, cần phải chỉ ra rằng Trung Quốc hiện nay đã lần lượt tuân thủ một số khía cạnh trong phán quyết Tòa Trọng tài.<sup>112</sup> Có thể lập luận rằng, nên đánh giá hiệu quả của luật quốc tế trong quản lý tranh chấp thông qua các hành động của Trung Quốc, thay vì các lời nói

---

<sup>110</sup> Hugh White, *The China Choice: Why Should America Share Power* (Black Inc Books, 2013), tr.1–20.

<sup>111</sup> Tham khảo *The Strategist*, Reader Response: Power Sharing and Risk Management in Hugh White’s ‘China Choice’, 12/3/2014, trên trang <https://www.aspistrategist.org.au/reader-response-power-sharing-and-risk-management-in-hugh-whites-china-choice/>.

<sup>112</sup> Trương tự, *Lawfare Blog*, Tracking China’s Compliance with the South China Sea Arbitral Award: Traditional Fishing Rights Inside the Lagoon at Scarborough Shoal.

phát ngôn của nước này. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng ngôn ngữ mạnh mẽ và mang tính phủ nhận của Trung Quốc đối với quá trình và nội dung của phán quyết Toà Trọng tài đã cản trở việc xây dựng sự hiểu biết lẫn nhau, sự chính đáng và ý nghĩa của nghĩa vụ pháp lý giúp luật pháp quốc tế có thể “gia tăng giá trị” trong việc giải quyết tranh chấp. Như đã thảo luận ở trên, dường như sau vụ kiện trọng tài, Trung Quốc vẫn tiếp tục chiến lược đàm phán song phương (với Philippines) để làm giảm ảnh hưởng của Mỹ trong khu vực. Bất kể việc Trung Quốc có các hành động sau đó như thế nào, việc phủ nhận một cách mạnh mẽ và rõ ràng đối với quá trình và nội dung của Toà trọng tài về Biển Đông cũng như các đàm phán song phương đã phá huỷ tính chính đáng và ý nghĩa của nghĩa vụ pháp lý đối với các quy định của UNCLOS, từ đó giảm “giá trị gia tăng” mà luật quốc tế có thể mang lại trong quản lý tranh chấp.

Việc bài viết tập trung vào cân bằng quyền lực liên kết như là là điều kiện mang tính tiên đề để tái lập vai trò của luật quốc tế không đồng nghĩa với việc phủ nhận vai trò của luật quốc tế (cũng như UNCLOS). Xem xét vai trò của cân bằng quyền lực liên kết là điều kiện cần nhưng không phải điều kiện đủ để xây dựng nhận thức về nghĩa vụ pháp lý có thể thúc đẩy sự tuân thủ pháp luật của các bên. Hai lý thuyết hàng đầu về nghĩa vụ pháp lý trong hệ thống quốc tế, lý thuyết tương tác của Brunnée và Toope và lý thuyết về tính chính đáng của Thomas Frank,<sup>113</sup> nhấn mạnh tầm quan trọng của việc các quy định pháp luật cần rõ ràng và chính xác trong việc quyết định việc tuân thủ các quy định. Cách thức quy định được soạn thảo, thể hiện và diễn giải vẫn là điều quan trọng để xây dựng nghĩa vụ pháp lý. Do đó, vẫn còn rất nhiều việc cho các luật sư và toà án quốc tế đóng góp vào việc xây dựng nghĩa vụ pháp lý có thể thúc đẩy sự tuân thủ pháp luật của các bên.

## VI. Kết luận

Hoà bình và ổn định tại Biển Đông đóng vai trò quan trọng với quốc gia ven biển và cả cộng đồng quốc tế. Phản ứng của Mỹ và Trung Quốc đối với phán quyết Trọng tài gần đây cho thấy rằng Biển Đông là trở thành địa bàn diễn ra căng thẳng địa chính trị giữa Mỹ và Trung Quốc. Căng thẳng này dường như đang tăng cao với việc chính quyền Trump đang kiểm soát quyền hành pháp trong chính phủ.<sup>114</sup> Trong trường hợp này, việc xem xét vai trò của luật quốc tế trong việc duy trì hoà bình và sự ổn định trong khu vực là rất quan trọng.

Quyền lực cứng và mềm là những biến số quan trọng trong việc xem xét các khả năng của luật quốc tế tại Biển Đông. Tuy nhiên, chúng tôi thấy rất nhiều điểm chung giữa các lý thuyết hàng đầu về luật quốc tế và quan hệ quốc tế, cả hai đều không thể can dự trực tiếp vào mối quan hệ giữa luật pháp và quyền lực, hay đưa ra những giả định hợp lý cần thiết để dẫn tới kết luận rằng các cường quốc chỉ tuân thủ luật pháp quốc tế khi phù

---

<sup>113</sup> Thomas M. Franck, *The Power of Legitimacy among Nations* (Oxford University Press, 1990), at 3–26; Thomas M. Franck, ‘Legitimacy in the International System’ (1988) 82 *Am Journal of International Law*, 705–759.

<sup>114</sup> Tham khảo *The Guardian*, ‘No Access: Rex Tillerson Sets Collision Course with Beijing in South China Sea’ 12/1/2017, trên trang <https://www.theguardian.com/world/2017/jan/12/no-access-rex-tillerson-sets-collision-course-beijing-south-china-sea>.



hợp với lợi ích quốc gia của họ. Cách tiếp cận này bỏ qua vai trò của luật quốc tế trong việc sáng tạo và điều chỉnh hệ thống các quy tắc có thể tạo ra nghĩa vụ pháp lý theo nghĩa là do các quốc gia chủ động thực hiện. Ý nghĩa về nghĩa vụ pháp lý này chính là “giá trị gia tăng” mà luật quốc tế có thể đem lại cho tranh chấp quốc tế.

Chúng tôi đề xuất rằng cần có những điều kiện tiền đề quan trọng cần được thực hiện để luật quốc tế có khả năng thúc đẩy nghĩa vụ pháp lý giữa các quốc gia chủ chốt. Từ các công trình của Oppenheim, Bull và Little, chúng tôi lập luận rằng một trạng thái “cân bằng quyền lực liên kết” hoặc “thế công bằng” giữa các quốc gia chủ chốt trong khu vực là điều kiện tiền đề quan trọng để thúc đẩy triển vọng cho luật quốc tế trong quản lý các tranh chấp lãnh thổ có bản chất như tranh chấp Biển Đông. Sự trỗi dậy sức mạnh kinh tế và quân sự của Trung Quốc tại Châu Á-Thái Bình Dương rõ ràng là điều kiện nền tảng dẫn tới các tranh chấp lãnh thổ tại Biển Đông và cần được coi là trung tâm trong phân tích pháp lý quốc tế.

Do đó, chúng tôi đề xuất một chương trình nghiên cứu chung giữa các luật sư quốc tế và các học giả nghiên cứu chiến lược nhằm mục đích xác định những con đường tốt nhất hướng tới “một sự cân bằng quyền lực liên kết” trong khu vực. Thông qua một cân bằng quyền lực liên kết này, Trung Quốc và Mỹ có thể đạt được “thế công bằng” trong khu vực. Theo quan điểm của chúng tôi, điều này tạo ra triển vọng về việc các quốc gia chủ động tuân thủ các quy định của UNCLOS và từ đó tránh được nguy cơ các quốc gia chủ chốt tiến hành các hành động đơn phương để thúc đẩy sự tuân thủ luật pháp và đảm bảo hoà bình, ổn định khu vực.

*Bài viết được đăng trên [Asia-Pacific Journal of Ocean Law and Policy](#).*

**Lan Hương (dịch)**

**Lê Hà (hiệu đính)**